



朝陽科技大學
CYUT
CHAOYANG UNIVERSITY
OF TECHNOLOGY

朝陽科技大學
115 學年度秋季班國際學生產學合作專班
申請入學招生簡章

CHAOYANG UNIVERSITY OF TECHNOLOGY
Industry-Academia Collaboration Program Admission
Handbook for 2026 Academic Year Fall Intake

Đại Học Khoa Học Công Nghệ Triều Dương

Thông Tin Tuyển Sinh Hệ Chuyên Ban Quốc Tế Tân
Hương Nam (Vừa Học Vừa Làm) Năm 2026 Kỳ Mùa Thu

朝陽科技大學國際事務處 編印

Office of International Affairs

Văn Phòng Hợp Tác Quốc Tế

校址 / Address : 413310臺中市霧峰區吉峰東路168號
168, Jifeng E. Rd., Wufeng District,
Taichung, 413310 Taiwan, R.O.C.

Địa chỉ: Số 168, Đường Cát Phong Đông, Quận Vụ
Phong, Thành phố Đài Trung, 413310, Đài
Loan, R.O.C.

Website : <https://www.cyut.edu.tw>

聯絡電話 / Tel/ Số điện thoại : +886-4-23323000 ext./nhánh: 3137

傳真電話 / Fax : +886-4-23742317

E-mail : icsc@cyut.edu.tw



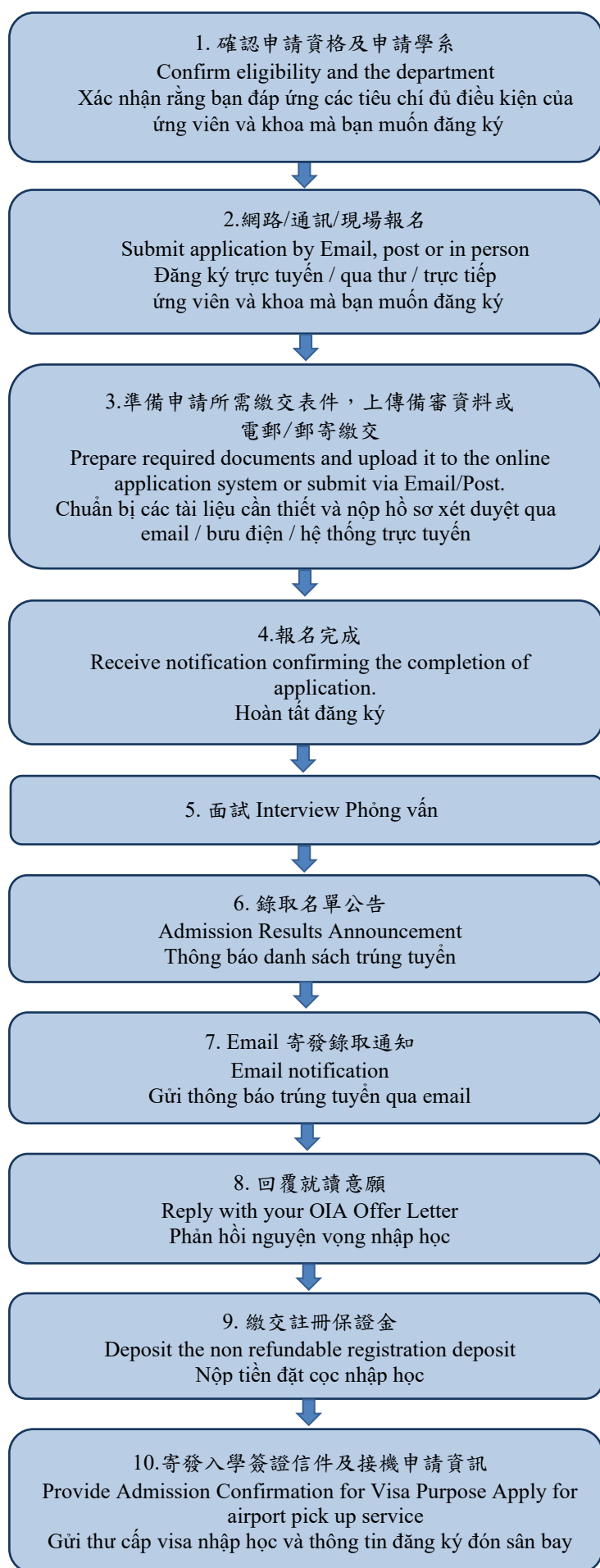
朝陽科技大學
115學年度國際學生產學合作專班
申請入學重要日期
Important Dates for Industry-Academia Collaboration
Program, 2026 Academic Year
Lịch Trình Quan Trọng Hệ Chuyên Ban Quốc Tế Tân Hướng Nam
(Vừa Học Vừa Làm) Năm 2026

115學年度秋季班 Fall intake 2026 (Enrollment: September) Kỳ học mùa Thu năm 2026

項目/Item/Danh Mục	日期/Date/Ngày
公告招生簡章 (自行上網下載) Admission Handbook available for download from OIA website Thông tin tuyển sinh (tải trên website)	2026/04/30
現場/網路/通訊報名及電郵/郵寄審查資料 Onsite/Online/Post application Email/Post documents for review Nộp đơn đăng ký xét tuyển qua hình thức trực tiếp / trực tuyến / Email / bưu điện	2026/07/17前 Trước ngày 17/07/2026
入學面試 Interview Phỏng vấn nhập học	2026/08/03前 Trước ngày 03/08/2026
公告錄取名單 Announcement of admission results Thông báo danh sách trúng tuyển	2026/08/07
寄發錄取通知 Sending admission notice to applicants Gửi thư thông báo trúng tuyển	2026/08/14
開學日 Registration start date Ngày khai giảng	2026/09/14

註1：逾期不受理。NO applications will be accepted after deadline. Quá hạn trên sẽ không thụ lý hồ sơ.

申請流程 / Application Procedure / Quy Trình Đăng Ký



- 招生所請參閱簡章第7頁。
Please check page 7 in this brochure for degree programs recruiting details.
Vui lòng tham khảo trang 7 của thông báo tuyển sinh về thông tin các khoa.
- 請至本校網頁『國際學生產學合作專班』查詢相關申請入學資料。
Please visit “Industry-Academia Collaboration Program” section on CYUT-OIA website for more details
Vui lòng truy cập trang web của trường, mục “**Hệ chuyên ban Quốc tế Tân Hưởng Nam (VHVL)**” để tìm hiểu thông tin liên quan đến nhập học.
- 申請人只須完成一次報名(申請1個學系)。
Each applicant only needs to submit their application one time (for applying to one degree program)
Mỗi sinh viên chỉ cần đăng ký một lần (đăng ký một khoa)
- 申請所需繳交表件，電郵/郵寄/線上系統上傳備審資料。
Submit required application documents for review by Email, Post or online system.
Chuẩn bị các tài liệu cần thiết và nộp hồ sơ xét duyệt qua email / bưu điện / hệ thống trực tuyến.
- Email 報名者，文件請儲存為 JPG 或 PDF 檔案並電郵到 icsc@cyut.edu.tw，檔案大小在 2MB 以下。
All required documents need to be saved as JPG or PDF files and email to icsc@cyut.edu.tw to complete the online application. File size shall NOT be over 2MB.
Hồ sơ đăng ký phải được lưu dưới định dạng JPG hoặc PDF và gửi đến mail icsc@cyut.edu.tw, dung lượng tối đa 2MB.
- 報名完成後，本校會發信通知申請人已完成報名。
Applicants will receive confirmation e-mail from the CYUT after completing online registration.
Sau khi hoàn tất đăng ký, trường sẽ gửi email xác nhận cho sinh viên.
- 本校國際事務處確認繳交文件完整。
Confirmation by OIA of required documents completely received.
Văn phòng Hợp tác Quốc tế nhà trường sẽ kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ.
- 資料不齊全時，另以 Email 通知申請人補件。
Applicants will receive a notification by Email if application is incomplete or further documents are required.
Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, sẽ gửi thông báo bổ sung qua email.
- 系所進行審核。
Application review by the university departments.
Khoa tiến hành xét duyệt hồ sơ.
- 錄取名單公告在國際處網站。
Admission results will be announced on OIA website.
Danh sách trúng tuyển sẽ được công bố trên trang web của Văn phòng Hợp tác Quốc tế.
- Email 寄發錄取通知。
E-mail CYUT Offer Letter.
Thông báo trúng tuyển sẽ gửi qua email.
- Email 回覆就讀意願並繳交註冊保證金。
Students reply with their intention of study via Email and deposit the non-refundable registration deposit.
Sinh viên xác nhận nguyện vọng nhập học qua email và nộp phí đặt cọc đăng ký.
未依規定繳交註冊保證金者，本校將取消其錄取資格。Failure to pay the required registration deposit will result in cancellation of admission to CYUT.
- (*) **Nếu không nộp phí đặt cọc đúng hạn, trường sẽ hủy tư cách trúng tuyển.**
- 寄發入學簽證信件及接機申請資訊
CYUT issues Admission Confirmation and airport pick-up information. Trường sẽ gửi thư xác nhận nhập học và thông tin đăng ký đón sân bay

目錄 / Contents / Mục Lục

一、申請資格 / Qualifications / Tư cách đăng ký	1
二、申請截止日期 / Application Deadline / Thời hạn đăng ký	3
三、報名方式 / Application Procedure / Phương thức đăng ký	3
四、申請應繳交資料 / Required Documents / Hồ sơ cần nộp	4
五、錄取標準 / Entry Requirements / Tiêu chuẩn xét tuyển.....	4
六、其他申請注意事項 / Other Important Notes / Các lưu ý khác	5
七、招生系所及招生名額 / Academic Programs and Admission Quota / Chuyên Ngành và Chỉ tiêu tuyển sinh	7
八、修業年限 / Program Duration / Thời gian học	8
九、獎助學金 / Scholarship / Học bổng.....	8
十、報到註冊 / Registration / Thủ tục nhập học	9
十一、申訴辦法 / Regulations for an Appeal / Quy trình khiếu nại	10
十二、學雜費收退費基準 / Tuition and Miscellaneous Fees and Refund / Chính Sách thu phí và hoàn phí	10
十三、住宿與生活費 / Dormitory and Living Expenses / Ký túc xá và chi phí sinh hoạt	11
十四、其他 / Additional Notes / Các thông tin khác	12

附錄 / Appendix / Phụ Lục

附錄一：申請表 / Appendix 1 : Application Form / Phụ lục 1: Đơn đăng ký

附錄二：切結書 / Appendix 2 : Affidavit / Phụ lục 2: Bản cam kết

附錄三：授權書 Appendix 3 : Letter of Authorization / Phụ lục 3 : Giấy ủy quyền

附錄四：申訴表 / Appendix 4 : Appeal Form / Phụ lục 4 : Đơn đăng ký khiếu nại

附錄五：入學大學同等學力認定標準

Appendix 5 : Standards for Recognition of Equivalent Educational Levels for University Admission

Phụ lục 5: Tiêu chuẩn công nhận học lực tương đương khi nhập học đại học

朝陽科技大學
115學年度秋季班國際學生產學合作專班
申請入學招生簡章
Admission Handbook for Industry-Academia Collaboration
Program, 2026 Academic Year Fall Intake
Chaoyang University of Technology
Đại Học Khoa Học Công Nghệ Triều Dương
Thông Tin Tuyển Sinh Hệ Chuyên Ban Quốc Tế Tân Hướng
Nam (Vừa Học Vừa Làm) Năm 2026 Kỳ Mùa Thu

一、申請資格 / Qualifications / Tư cách đăng ký

1. 具外國國籍且未曾具有中華民國國籍，於申請時並不具僑生資格者，得依本簡章規定申請入學（不含港澳生）。具外國國籍且符合下列規定，於申請時並已連續居留海外（不含大陸、香港及澳門）6年以上者，亦得依本簡章規定申請入學：

- (1) 申請時兼具中華民國國籍者，應自始未曾在臺設有戶籍。
- (2) 申請前曾兼具中華民國國籍者，應於申請時已放棄中華民國國籍滿8年以上。
- (3) 前二款均未曾以僑生身分在臺就學，且未於當學年度接受海外聯合招生委員會分發者。具外國國籍，兼具香港或澳門永久居留資格，且未曾在臺設有戶籍，申請時於香港、澳門或海外連續居留滿6年以上者，得依本簡章規定申請入學；曾為大陸地區人民具外國國籍且未曾在臺設有戶籍，申請時已連續居留滿6年以上且每曆年在臺灣停留時間不超過120日者，得依本簡章規定申請入學：

1. Applicants with foreign nationality who have never possessed R.O.C. nationality and do not qualify as overseas Chinese students at the time of application are eligible to apply for admission according to the regulations stipulated in this brochure (excluding students from Hong Kong and Macao). Applicants with foreign nationality who meet the following conditions and have been residing abroad (excluding Mainland China, Hong Kong, and Macao) continuously for more than 6 years at the time of application are eligible to apply for admission according to the regulations stipulated in this brochure.

- (1) Applicants possessing R.O.C. nationality at the time of application should not have had household registration in Taiwan before.
- (2) Applicants who previously held R.O.C. nationality should have renounced their R.O.C. nationality for more than 8 years by the time of application.
- (3) Applicants in the preceding paragraphs (1) and (2) who have not been enrolled in Taiwan as overseas Chinese students and have not accepted any admission offer through the “University Entrance Committee for Overseas Chinese Students” in the current academic year. Applicants who possess foreign nationality and hold a permanent residence status in Hong Kong or Macao, have no history of household registration in Taiwan, and, at the time of application, have resided in Hong Kong, Macao, or abroad for more than 6 years are qualified to apply for admission according to the regulations stipulated in this brochure. Applicants, being former citizens of Mainland China and holding foreign nationality, having no history of household registration in Taiwan, have resided abroad continuously for more than 6 years, and have stayed in Taiwan for less than 120 days each calendar year, are qualified to apply for admission according

to the regulations stipulated in this brochure.

1. Sinh viên có quốc tịch nước ngoài và chưa từng có quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan), đồng thời không thuộc diện du học sinh Hoa kiều tại thời điểm đăng ký, có thể nộp hồ sơ theo quy định của hướng dẫn này (không bao gồm du học sinh từ Hồng Kông và Ma Cao).

Sinh viên có quốc tịch nước ngoài và đáp ứng một trong các điều kiện sau, đồng thời đã cư trú liên tục tại nước ngoài (không bao gồm Trung Quốc đại lục, Hồng Kông và Ma Cao) từ 6 năm trở lên trước thời điểm đăng ký, cũng có thể nộp hồ sơ theo quy định của hướng dẫn này:

- (1) Trường hợp đồng thời có quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc tại thời điểm đăng ký, phải chưa từng đăng ký hộ khẩu tại Đài Loan.
- (2) Trường hợp trước đây từng có quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc, phải đã từ bỏ quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc từ ít nhất 8 năm trở lên trước thời điểm đăng ký.
- (3) Cả hai trường hợp trên đều chưa từng nhập học tại Đài Loan với tư cách du học sinh Hoa kiều và chưa từng được Ủy ban Tuyển sinh Liên kết ở nước ngoài phân bổ nhập học trong năm học đó.

Sinh viên có quốc tịch nước ngoài, đồng thời có tư cách thường trú tại Hồng Kông hoặc Ma Cao, chưa từng đăng ký hộ khẩu tại Đài Loan, và đã cư trú liên tục tại Hồng Kông, Ma Cao hoặc nước ngoài từ 6 năm trở lên trước thời điểm đăng ký, có thể nộp hồ sơ theo quy định của hướng dẫn này.

Sinh viên từng là công dân Trung Quốc đại lục, hiện có quốc tịch nước ngoài, chưa từng đăng ký hộ khẩu tại Đài Loan, đã cư trú liên tục tại nước ngoài từ 6 năm trở lên, đồng thời trong mỗi năm dương lịch không lưu trú tại Đài Loan quá 120 ngày, có thể nộp hồ sơ theo quy định của hướng dẫn này.

※有關連續居留海外期間計算方式，本校係依教育部「外國學生來臺就學辦法」第二及第三條相關規定辦理 (該辦法請詳 <https://law.moj.gov.tw/>)。

※CYUT follows Articles 2 and 3 of the “Regulations Regarding International Students Undertaking Studies in Taiwan” of the Ministry of Education R.O.C. (Taiwan) for the calculation of continuous overseas residence period (for detailed information, please refer to <https://law.moj.gov.tw/>).

※Cách tính thời gian cư trú liên tục tại nước ngoài được thực hiện theo Điều 2 và Điều 3 của “Quy định về sinh viên quốc tế đến học tại Đài Loan” do Bộ Giáo dục ban hành. Vui lòng tham khảo văn bản pháp luật tại: <https://law.moj.gov.tw/>.

2. 外國學生須符合教育部採認之高中、大學或獨立學院畢業者。外國學生具高中畢業資格者，得申請入學本校四年制修讀學士學位；具學士學位者，得申請入學本校碩士班；具碩士學位者，得申請入學本校博士班。

International students who have graduated from a high school, college, or university recognized by the Ministry of Education R.O.C. (Taiwan), can apply for admission. International students with a high school diploma are eligible to apply for the four-year undergraduate programs; students with a bachelor's degree are eligible to apply for the master's programs; students with a master's degree are eligible to apply for the doctoral programs.

Sinh viên quốc tế phải tốt nghiệp trường trung học phổ thông, đại học hoặc học viện độc lập được Bộ Giáo dục Đài Loan công nhận. Sinh viên quốc tế có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông có thể đăng ký nhập học hệ đại học chính quy (4 năm); có bằng cử nhân có thể đăng ký chương trình thạc sĩ; có bằng thạc sĩ có thể đăng ký chương trình tiến sĩ.

3. 申請人入學前未具華語文能力 A2 (含) 級以上資格；入學後須於一年級下學期結束前通過華語文能力測驗 A2 級以上，未通過者將予以退學。

Applicants, who do not obtain Chinese language proficiency A2 level or above before admission, must pass

the Chinese language proficiency test A2 or above before the end of first year, Those who do not pass they will be withdrawn.

Ứng viên trước khi nhập học chưa đạt trình độ tiếng Hoa A2 (bao gồm) trở lên; sau khi nhập học, phải vượt qua bài kiểm tra năng lực tiếng Hoa trình độ A2 trở lên trước khi kết thúc học kỳ 2 năm nhất. Nếu không đạt yêu cầu, sẽ bị buộc thôi học.

4. 於學習期間未能通過當年度華語測驗門檻者，須依規定辦理退學及相關出境事宜。

Those who fail to achieve the required level of Chinese Proficiency Tests (TOCFL) should withdraw the CYUT student status and comply with the Immigration Regulations to return to home country.

Trong thời gian học, nếu không đạt chuẩn bài kiểm tra năng lực tiếng Hoa của năm học đó, sinh viên buộc phải thực hiện thủ tục thôi học và tuân thủ các quy định liên quan đến xuất cảnh.

二、申請截止日期/ Application Deadline / Thời hạn đăng ký:

	2026秋季班 Fall Semester 2026 Kỳ mùa Thu năm 2026
國際學生產學合作專班 Industry-Academia Collaboration Program Hệ Chuyên Ban Quốc tế Tân Hướng Nam	2026/07/17前 Trước ngày 17/07/2026

註1：逾期不受理。NO applications will be accepted after deadline. Quá hạn trên sẽ không thụ lý hồ sơ.

註2：為保障申請者權益，申請人務必注意各項目試務時程，並自行上網查看公告各項訊息。

Applicants should follow the application schedule and check related announcements online to protect their rights.

Để bảo đảm quyền lợi của sinh viên, sinh viên cần chú ý đến thời gian lịch trình của từng hạng mục và tự truy cập trang web của trường để kiểm tra các thông báo liên quan.

三、報名方式 / Application Procedure / Phương Thức Đăng Ký

申請者可選擇以下方式申請入學。Apply through one of the following ways:

Sinh viên có thể lựa chọn một trong các cách thức đăng ký sau:

線上申請 利用本校線上申請系統完成申請 https://rs.cyut.edu.tw/InternationalI A	CYUT Online Application System Complete application and upload required documents via online application system: https://rs.cyut.edu.tw/InternationalI A	Trực tuyến: Hoàn tất hồ sơ đăng ký thông qua hệ thống đăng ký trực tuyến của trường: https://rs.cyut.edu.tw/InternationalI A
電郵申請 透過電郵將申請表及相關文件寄到國際事務處 icsc@cyut.edu.tw	By EMAIL Send application form and required documents to CYUT-OIA: icsc@cyut.edu.tw	Email: Đơn đăng ký và các tài liệu gửi đến email Văn phòng Hợp tác Quốc tế : icsc@cyut.edu.tw
通訊報名 申請表及相關申請文件請郵寄到以下單位。 朝陽科技大學 國際事務處 413310 臺中市霧峰區吉峰東路168號	By POST Send application form and required documents to Office of International Affairs, Chaoyang University of Technology 168, Jifeng E. Rd., Wufeng Dist., Taichung, 413310 Taiwan, R.O.C.	Bưu điện: Gửi đơn đăng ký và các tài liệu qua bưu điện đến: Trường Đại học Khoa học Công nghệ Triều Dương Văn phòng Hợp tác Quốc tế Địa chỉ: Số 168, Đường Cát Phong Đông, Quận Vụ Đông, Thành phố Đài Trung, 413310, Đài Loan, R.O.C.

四、申請應繳交資料 / Required Documents / Hồ sơ cần nộp

- 1.入學申請表：需檢附2吋證件照片 / Application form with a 2-inch photo attached.

Đơn đăng ký nhập học.(Vui lòng cung cấp ảnh thẻ 2 inch)

- 2.高中成績單與畢業證書：外國學校最高學歷證明文件及成績單（中、英文以外之語文，應附中文或英文譯本）。

The highest-level certificate or equivalent academic attainment and transcript of the student's entire course work at that institution (a copy of translation in Chinese or English is necessary if the original diploma is in a language other than Chinese or English).

Học bạ và bằng tốt nghiệp THPT: Giấy chứng nhận trình độ học vấn cao nhất và bằng điểm từ trường trung học nước ngoài (nếu không phải tiếng Trung hoặc tiếng Anh, phải kèm theo bản dịch tiếng Trung hoặc tiếng Anh).

- 3.財力證明：當地正式立案之銀行機構所開立的財力證明，或政府、本校或民間機構提供全額獎助學金之證明；財力證明不得少於新臺幣十萬元或等值至少美金4,000元。若財力證明非申請者本人，則須附上經濟資助信。

Financial Proof: A financial statement with a minimum amount of NTD100,000 or an equivalent of at least USD 4,000, or a copy of a full scholarship award certificate issued by a government agency, university, college, or a private organization. If the financial statement is not in the name of the applicant, an Affidavit of Support must be included.

Chứng minh tài chính: Do ngân hàng tại nước sở tại cấp, hoặc giấy chứng nhận học bổng toàn phần do chính phủ, nhà trường hoặc tổ chức tư nhân cung cấp, chứng minh tài chính phải có số dư tối thiểu 100.000 Đài tệ hoặc ít nhất tương đương với 4,000USD. Nếu chứng minh tài chính không đứng tên người nộp đơn, cần đính kèm thư bảo trợ tài chính từ người bảo trợ.

- 4.國籍證明文件：需檢附護照影印本或其他國籍證明文件。

Nationality Proof: A passport copy or other equivalent verification of nationality.

Giấy tờ chứng minh quốc tịch : Bản sao hộ chiếu hoặc các giấy tờ chứng minh quốc tịch khác.

- 5.讀書計畫/Study Plan: to be written in Chinese or English.

Kế hoạch học tập : Có thể viết bằng tiếng Trung hoặc tiếng Anh.

- 6.其他有利申請文件（如履歷表、推薦信、作品集等）。

Other supporting documents (e.g. CV, recommendation letter, portfolio, etc.).

Tài liệu bổ sung có ích khác (như lý lịch cá nhân, thư giới thiệu hoặc tác phẩm...)

※各系所若有特別要求資料，將另行通知補繳。

Additional documents may be required by departments/institutes. Applicants will be notified separately, if necessary.

Nếu các khoa có yêu cầu các tài liệu khác sẽ thông báo bổ sung sau.

五、錄取標準/ Entry Requirements / Tiêu chuẩn xét tuyển

- 1.入學前已具華語文能力A1以上學生優先錄取，並透過以下華語能力課程考取驗證。

(1) 高中總成績平均6.0分或60 分以上

(2) 語文證明：華語文測驗入門級或通過本校所舉辦之口語能力測驗

The applicants with Chinese language proficiency above TOCFL A1 will be given priority; and they will get the certification through the following Chinese language proficiency courses.

(1) An average of 6.0 points or above in the senior high school total score.

(2) Language certificate: Chinese language test for entry-level (A1) or passing the Oral Proficiency Test organized by CYUT

Ưu tiên học sinh đã có chứng chỉ năng lực Hoa Ngữ A1 trở lên và chứng nhận thông qua kỳ thi năng lực Hoa Ngữ dưới đây:

(1) Thành tích trung bình Trung học Phổ thông 6.0 điểm hoặc 60 điểm trở lên.

(2) Chứng chỉ Hoa ngữ: Kỳ thi trình độ Hoa Ngữ cơ bản hoặc vượt qua bài kiểm tra năng lực nói do trường tổ chức.

2. 書面資料通過校內審核後，將與學生聯絡並安排面試，透過翻譯與申請人進行訪談，確定申請人符合本校人才培育之標準。

Applicants who passed the qualification assessment will be contacted and an interview will be conducted through an interpreter to confirm that the applicant meets our standards for talent development.

Sau khi hồ sơ thông qua xét duyệt nội bộ của trường, nhà trường sẽ liên hệ sinh viên và sắp xếp phỏng vấn. Cuộc phỏng vấn sẽ có sự hỗ trợ của phiên dịch để xác định sinh viên có đáp ứng các tiêu chuẩn đào tạo nhân tài của trường hay không.

3. 評分及錄取方式 / Rating Methods and Rules of Admission / Phương thức và nguyên tắc xét tuyển

評分方式 / Rating Methods Phương thức xét tuyển	成績比例 / Ratio Tỷ lệ điểm số
書面資料審查 Application Review Tài liệu xét duyệt	60%
面試 / Interview / Phỏng vấn	40%

六、其他申請注意事項 / Other Important Notes / Các lưu ý khác

1. 一次申請以一個科系為原則。

Applicants can apply for one department at a time.

Mỗi lần đăng ký chỉ được chọn một ngành.

2. 報名時繳交之「畢業證書」及「歷年成績單」，除海外臺灣學校所發者外，應依臺灣教育部「大學辦理國外學歷採認辦法」規定辦理。

The diploma and transcript submitted for application review shall first be authenticated in accordance with the rules promulgated by the Ministry of Education R.O.C. (Taiwan), except for diplomas and transcripts issued by Overseas Taiwanese or Overseas Chinese schools.

Bằng tốt nghiệp và học bạ nộp khi đăng ký, ngoại trừ những văn bằng do các trường Đài Loan ở nước ngoài cấp, phải được xử lý theo quy định của Bộ Giáo dục Đài Loan về "Quy định công nhận văn bằng nước ngoài của các trường đại học".

3. 依規定，凡曾經入學學校以操行、學業成績不及格、因犯刑事案件經判刑確定或因故致遭退學者，不得再向本校申請入學。若違反此規定並經查證屬實者，取銷其入學資格。

In accordance with the regulations, those who have been dismissed from school due to misconduct, academic failure, criminal convictions, or any other reason resulting in a confirmed sentence are **NOT** eligible to apply for admission. Applicants who violate this regulation will have their admission revoked once substantiated through investigation.

Theo quy định, những người từng bị trường học cho thôi học do hạnh kiểm kém, kết quả học tập không đạt, bị kết án hình sự hoặc bị buộc thôi học vì bất kỳ lý do khác, sẽ không được phép nộp đơn vào trường. Nếu vi phạm quy định này và bị phát hiện đúng sự thật, tư cách nhập học sẽ bị hủy bỏ.

4. 已報名或錄取之國際學生產學合作專班學生，如經發現申請資格不符規定或所繳交之證件有變造、偽造、假借、冒用等不實情事者，未入學者即取消錄取資格；已入學者開除學籍，亦不發給任何學歷證明；如將來在本校畢業後始發現者，除勒令繳銷其學位證書外，並公告取消其畢業資格。

A student who has applied for or been admitted to the Industry-Academia Collaboration Program and has submitted documents that have been altered, forged, falsified, or fraudulently used will be disqualified from admission. If the student is already enrolled, he/she will be expelled from CYUT and not receive academic credentials. If the student is found to be ineligible after graduation, he/she will be ordered to cancel the degree certificate and be disqualified from graduation.

Sinh viên đăng ký hoặc đã trúng tuyển hệ chuyên ban quốc tế Tân Hướng Nam (hệ vừa học vừa làm), nếu bị phát hiện không đáp ứng tư cách đăng ký hoặc nộp tài liệu giả mạo, làm giả, mượn danh hoặc sử dụng danh tính của người khác, nếu chưa nhập học sẽ bị hủy tư cách trúng tuyển; nếu đã nhập học, sẽ bị buộc thôi học và không được cấp bất kỳ chứng nhận học lực nào. Nếu hành vi gian lận bị phát hiện sau khi tốt nghiệp, bằng tốt nghiệp sẽ bị thu hồi và tư cách tốt nghiệp sẽ bị hủy bỏ.

5. 依規定，凡申請來臺居留簽證，須檢具麻疹及德國麻疹抗體陽性報告或預防接種證明。

According to the regulations, students who apply for a resident visa must submit a medical report including the vaccination certificates of Measles and Rubella or their positive antibody titers.

Theo quy định, những người nộp đơn xin thị thực cư trú tại Đài Loan phải xuất trình giấy chứng nhận xét nghiệm dương tính với kháng thể sởi và rubella hoặc giấy chứng nhận tiêm chủng phòng ngừa hai bệnh này.

6. 所有新生於註冊時，都須投保本校傷病醫療險，以確保在發生意外傷害、或產生其他醫療需求時，有足夠的保險理賠金額，支付相關費用。

All international students are required to purchase a mandatory medical insurance while registered as a full-time CYUT degree student.

Tất cả sinh viên mới khi nhập học đều phải tham gia bảo hiểm y tế tai nạn của trường để đảm bảo có đủ mức bồi thường bảo hiểm trong trường hợp xảy ra tai nạn hoặc có nhu cầu y tế khác.

7. 國際學生產學合作專班學生於就學期間在臺設戶籍登記、戶籍遷入登記、歸化或回復中華民國國籍，因而喪失外國學生身分者，將以退學處分。

Students of the Industry-Academia Collaboration Program will be withdrawn from CYUT if their identities of international students have been lapsed by establishing household registrations, moving-in registrations, naturalizing or regaining R.O.C Taiwan citizenships.

Sinh viên hệ chuyên ban quốc tế Tân Hướng Nam (hệ vừa học vừa làm), trong thời gian học tập nếu đăng ký hộ khẩu tại Đài Loan, chuyển hộ khẩu vào Đài Loan, nhập quốc tịch hoặc khôi phục quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc, sẽ mất tư cách sinh viên quốc tế và bị buộc thôi học.

七、招生系所及招生名額 / Academic Programs and Admission Quota / Chuyên Ngành và Chỉ tiêu tuyển sinh

1. 預計招生名額：大學部外國學生合計120名。

Admission quota: 120 for Bachelor degree

Dự kiến tuyển sinh: Tổng cộng 120 sinh viên quốc tế bậc đại học.

本校目前招收「管理學院」- 休閒事業管理系、行銷與流通管理系；「理工學院」- 應用化學系。

CYUT offers Industry-Academia Collaboration Program in Departments of Leisure Services Management, Marketing and Logistics Management (College of Management), Applied Chemistry (College of Science and Engineering).

Hiện tại, trường tuyển sinh vào

Viện Quản lý : Khoa Quản lý Dịch vụ Giải trí và khoa Quản lý Marketing và Vật lưu.

Viện Khoa học Kỹ thuật: Khoa Hóa học Ứng dụng.

院別 College Học viện	系所別 Departments Khoa	學程 Degree Chương trình	名額 Quota Chỉ tiêu
管理學院 College of Management Viện Quản Lý	休閒事業管理系 Departments of Leisure Services Management Khoa Quản lý Dịch vụ Giải trí	學士 Bachelor Cử nhân	40
	行銷與流通管理系 Department of Marketing and Logistics Management Quản lý Marketing và Vật lưu	學士 Bachelor Cử nhân	40
理工學院 College of Science and Engineering Viện Khoa học Kỹ thuật	應用化學系 Department of Applied Chemistry Hóa học Ứng dụng	學士 Bachelor Cử nhân	40

2. 有關課程等相關問題，請洽國際事務處，電話號碼：+886-4-23323000分機3137，Email：icsc@cyut.edu.tw。

For further information, please contact Office of International Affairs (OIA) via phone +886-4-23323000 ext. 3137 or email icsc@cyut.edu.tw.

Nếu có bất kỳ câu hỏi về chương trình học, vui lòng liên lạc với Văn Phòng Hợp Tác Quốc Tế, số điện thoại +886-4-23323000 nhánh 3137, và email icsc@cyut.edu.tw.

3. 授課方式/ Phương thức giảng dạy:

全部課程以中文授課。學生可以選修實習課程，並由學校安排至廠商參與實習。

Instruction: All the courses are taught in Chinese. Students could take internship as elective courses organized by Chaoyang University of Technology for internship in the industry.

Tất cả các chương trình học đều giảng dạy bằng tiếng Trung. Học sinh có thể lựa chọn thực tập tại đơn vị thực tập do nhà trường sắp xếp.

八、修業年限 / Program Duration / Thời gian học

學士班之修業年限以4年為原則，至多可延長2年。

Undergraduate programs usually take 4 years to complete. Students may extend to a maximum of 2 years.

Thời gian học là 4 năm, gia hạn tối đa 2 năm.

九、獎助學金 / Scholarship / Học Bổng

管理學院：第一學期核予全額獎助學金新臺幣 48,409元；

第二學期核予半額獎助學金新臺幣 24,204元。

在學期間獎助學金：

第三學期起至第八學期，班級排名前25%者，且前一學期操行成績達80(含)以上，核予獎助學金每人新臺幣 2,000元；班級排名26%~50%者，且前一學期操行成績達80(含)以上，核予獎助學金每人新臺幣 1,000元；班級排名51%以後，不予補助。

理工學院：第一學期核予全額獎助學金新臺幣 55,684元；

第二學期核予半額獎助學金新臺幣 27,842元。

在學期間獎助學金：

第三學期起至第八學期，班級排名前25%者，且前一學期操行成績達80(含)以上，核予獎助學金每人新臺幣 2,000元；班級排名26%~50%者，且前一學期操行成績達80(含)以上，核予獎助學金每人新臺幣1,000元；班級排名51%以後，不予補助。

College of Management

Entrance Scholarship: A full tuition fee waiver scholarship will be granted for students for the 1st semester with NTD 48,409; while a half tuition fee waiver will be granted to students for the 2nd semester with NTD 24,204.

Study Scholarship: From the 3rd semester till the 8th semester, a student has to achieve 80 points or above of the moral performance and the academic performance has to be ranked at top 25% in the class of the previous semester for a scholarship with NTD 2,000. A student has to achieve 80 points or above of the moral performance and the academic performance has to be ranked between 26% and 50% in the class of the previous semester for a scholarship of NTD 1,000. No scholarship to the rest of students ranked beyond 51% in the class.

College of Science and Engineering

Entrance Scholarship: A full tuition fee waiver scholarship will be granted for students for the 1st semester with NTD 55,684; while a half tuition fee waiver will be granted to students for the 2nd semester with NTD 27,842.

Study Scholarship: From the 3rd semester till the 8th semester, a student has to achieve 80 points or above of the moral performance and the academic performance has to be ranked at top 25% in the class of the previous semester for a scholarship with NTD 2,000. A student has to achieve 80 points or above of the moral performance and the academic performance has to be ranked between 26% and 50% in the class of the previous semester for a scholarship of NTD 1,000. No scholarship to the rest of students ranked beyond 51% in the class.

Học viện Quản Lý

Học bổng nhập học: Kỳ 1 năm thứ nhất NTD 48,409, Kỳ 2 năm thứ nhất NTD 24,204.

Các kỳ học tiếp theo: Bắt đầu từ kỳ 1 năm thứ hai đến kỳ 2 năm thứ tư, đạt 80 điểm hạnh kiểm trở lên

của kỳ trước đó đồng thời xếp hạng thành tích trong lớp từ 1%-25% sẽ được nhận học bổng NTD 2,000/người, từ 26%~50% sẽ được nhận học bổng NTD 1,000, từ 51% trở về sau sẽ không có học bổng.

Học viện Khoa Học và Kỹ Thuật

Học bổng nhập học: Kỳ 1 năm thứ nhất NTD 55,684, Kỳ 2 năm thứ nhất NTD 27,842.

Các kỳ học tiếp theo: Bắt đầu từ kỳ 1 năm thứ hai đến kỳ 2 năm thứ tư, đạt 80 điểm hạnh kiểm trở lên của kỳ trước đó đồng thời xếp hạng thành tích trong lớp từ 1%-25% sẽ được nhận học bổng NTD 2,000/người, từ 26%~50% sẽ được nhận học bổng NTD 1,000, từ 51% trở về sau sẽ không có học bổng.

十、報到註冊 / Registration / Thủ tục nhập học

1. 本校於公告錄取名單後將以電郵或郵寄等方式寄發錄取信件。錄取生須依本校的註冊說明及確認入學聲明書資訊，於規定日期內繳付一定金額的註冊保證金，始得申請向本校簽證辦理文件，並協助相關入臺程序作業。未依規定繳交註冊保證金者，本校將取消其錄取資格。

CYUT will send admission notice to applicants by email or post after the announcement of the admission results. Admitted students must follow the registration instructions and confirm information stipulated in the admission statement, and pay a certain amount of registration deposit within the stipulated period. Only after this payment can they apply for a visa-related documents from CYUT and proceed with the necessary procedures for entry to Taiwan. Failure to pay the registration deposit as required will result in the revocation of their admission to CYUT.

Sau khi công bố danh sách trúng tuyển, nhà trường sẽ gửi thư thông báo trúng tuyển qua email hoặc bưu điện. Sinh viên trúng tuyển phải tuân thủ hướng dẫn đăng ký nhập học của nhà trường và thanh toán tiền đặt cọc nhập học trong thời hạn quy định. Sau khi hoàn tất khoản đặt cọc này, Sinh viên mới có thể nộp đơn xin giấy tờ cần thiết để làm thủ tục xin visa và các quy trình nhập cảnh Đài Loan. Những Sinh viên không nộp tiền đặt cọc đúng thời hạn sẽ bị hủy tư cách trúng tuyển.

2. 錄取生應依入學通知書之規定辦理報到註冊手續，並繳驗護照、畢業證書及成績單，始得註冊入學。逾期未報到註冊者，取消入學資格。

Admitted students should register in accordance with the procedures specified in the admission notice, and submit their passports, graduation certificates and transcripts for registration. Those who fail to register within the designated period will be disqualified from admission.

Sinh viên trúng tuyển phải hoàn tất thủ tục báo danh và đăng ký nhập học theo quy định trong giấy báo nhập học, đồng thời xuất trình hộ chiếu, bằng tốt nghiệp và học bạ để hoàn tất nhập học. Những trường hợp không báo danh và đăng ký nhập học đúng hạn sẽ bị hủy tư cách nhập học.

3. 申請人入學前未具華語文能力 A2（含）級以上資格；入學後須於一年級下學期結束前通過華語文能力測驗 A2 級以上，未通過者將予以退學。

Applicants, who do not obtain Chinese language proficiency A2 level or above before admission, must pass the Chinese language proficiency test A2 or above before the end of first year, Those who do not pass they will be withdrawn.

Trước khi nhập học, sinh viên nếu chưa đạt trình độ A2 (bao gồm) trở lên trong chứng chỉ Hoa ngữ. Sau khi nhập học, sinh viên phải đạt trình độ A2 trở lên trước khi kết thúc học kỳ hai năm nhất. Nếu không đạt yêu cầu, sinh viên sẽ bị buộc thôi học.

十一、申訴辦法 / Regulations for an Appeal / Quy trình khiếu nại

1. 申請者對於申請審核結果認為有損其權益情形時，可於公告錄取名單日起7日內，填寫申訴表並寄發電郵向本校學術交流與合作委員會提出申訴。

Applicants may file an appeal with the CYUT Academic Exchange and Collaboration Committee by filling out an appeal form and sending it to icsc@cyut.edu.tw within 7 days from the date of the announcement of the admission result if they find that the results are detrimental to their rights.

Nếu Sinh viên cho rằng kết quả xét tuyển ảnh hưởng đến quyền lợi của mình, có thể gửi đơn khiếu nại trong vòng 7 ngày kể từ ngày công bố danh sách trúng tuyển. Đơn khiếu nại cần được điền đầy đủ thông tin theo mẫu và gửi qua email đến Ủy ban Giao lưu Học thuật và Hợp tác của nhà trường.

2. 申訴案件以申請者本人為當事人，不受理其他人申訴。

There will be no acceptance of anyone other than the applicant, who is the subject of the complaint.

Đơn khiếu nại chỉ chấp nhận chính sinh viên, không chấp nhận đơn từ bất kỳ cá nhân nào khác.

3. 申請者申訴案如有下列情形者不予受理：

Appeal cases that meet the following condition will not be accepted:

Những trường hợp khiếu nại sau đây sẽ không được xử lý:

- (1) 招生有關法令或招生簡章已有明確規範者。

Items specifically regulated in the student recruitment regulations or admission brochure.

Những nội dung đã được quy định rõ ràng trong các văn bản pháp luật hoặc đề án tuyển sinh.

- (2) 逾申訴期限。Exceed the deadline for appeal.

Khiếu nại được gửi sau thời hạn quy định.

4. 申訴以一次為限，申訴處理結果由本校學術交流與合作委員會於一個月內函覆申訴人。

Appeal can only be filed once. The result will reach the applicant in writing by the CYUT Academic Exchange and Collaboration Committee within one month.

Mỗi sinh viên chỉ được khiếu nại một lần. Kết quả xử lý khiếu nại sẽ được Ủy ban Giao lưu Học thuật và Hợp tác của nhà trường phản hồi trong vòng một tháng.

十二、學雜費收退費基準 / Tuition and Miscellaneous Fees and Refund / Chính Sách thu phí và hoàn phí

1. 115學年度學雜費收費標準（如下表）作參考。

The tuition and miscellaneous fees for 2026 is below for reference.

Mức thu học phí và các khoản phí khác cho năm học 2026 (như bảng dưới) để tham khảo.

院系 College & Department Học viện và khoa	費用 Fees / Semester (1US\$=31NT\$) Chi phí/ học kỳ	學雜費 Tuition fees Học phí và các khoản phí khác
		大學部 Undergraduate Đại học
管理學院 College of Management Viện Quản Lý		NT\$48,409
理工學院 College of Science and Engineering Viện Khoa học Kỹ Thuật		NT\$55,684
備註：書籍費依照所修習的課程與出版商的訂價而有不同。 Remarks: Book costs may vary from program to program. Ghi chú: Chi phí sách giáo khoa sẽ khác nhau tùy theo khóa học đăng ký và giá do nhà xuất bản quy định.		

2.退費標準 Refund / Chính sách hoàn phí

新生：應依規定完成註冊程序後，始能申請休退學，辦理退費作業。

Freshmen: Students are required to complete the registration process before applying for suspension or withdrawal, and then they may proceed with the refund process.

Sinh viên mới phải hoàn tất các thủ tục đăng ký theo quy định trước khi nộp đơn xin tạm nghỉ hoặc thôi học để được xử lý hoàn phí.

上課（開學）日(含)之後而未逾學期三分之一，退還學雜費及其餘各費總和之三分之二。

From the first day of classes/semester and before one-third of the semester has elapsed, two-thirds of the total tuition and miscellaneous fees will be refunded.

Sau ngày khai giảng (bao gồm ngày khai giảng) không vượt quá 1/3 thời gian của học kỳ, hoàn trả 2/3 tổng số học phí và các khoản phí đã đóng.

上課（開學）日(含)之後逾學期三分之一，而未逾學期三分之二，退還學雜費及其餘各費總和之三分之一。

After one-third but before two-thirds of the semester has elapsed, one-third of the total tuition and miscellaneous fees will be refunded.

Sau ngày khai giảng (bao gồm ngày khai giảng) và đã vượt quá 1/3 thời gian của học kỳ nhưng chưa vượt quá 2/3, hoàn trả 1/3 tổng số học phí và các khoản phí đã đóng.

上課（開學）日(含)之後逾學期三分之二，不予退還。

After two-thirds of the semester has elapsed, no refund will be provided.

Sau ngày khai giảng (bao gồm ngày khai giảng) và đã vượt quá 2/3 thời gian của học kỳ, không hoàn trả bất kỳ khoản phí nào.

註：學生須依本校退費規定及程序辦理。

Note: Students are required to follow the refund regulations and procedures of CYUT.

Ghi chú: Sinh viên phải thực hiện thủ tục hoàn phí theo quy định và quy trình của nhà trường.

十三、住宿與生活費 / Dormitory and Living Expenses / Ký túc xá và chi phí sinh hoạt

- 1.宿舍費：國際學生產學合作專班學生經錄取後，在學期間應依規定入住本校指定學生宿舍；115學年度第一宿舍每學期新臺幣9,000-13,000元、第二宿舍每學期新臺幣23,400元；寒、暑假住宿另案申請並按週收取住宿費用(得依宿舍現況適時調整)。

Dormitory Fee: Students of the Industry-Academia Collaboration Program are required to stay in the University-managed Dormitories during the study. The accommodation fees for 2026 academic year per semester from the 2nd year onwards will be NTD9,000~NTD 23,400 based on the assigned room type. Accommodation during summer and winter vacations is subject to separate application, and the fee will be charged on a weekly basis (adjustments may be made according to the current situation of the dormitory).

Phí ký túc xá: Sinh viên hệ chuyên ban quốc tế Tân Hường Nam (vừa học vừa làm) sau khi trúng tuyển bắt buộc phải ở tại ký túc xá do nhà trường chỉ định trong thời gian học. Phí ký túc xá vào năm học 2026 như thông tin dưới đây :

Ký túc xá 1: 9,000-13,000 NTD /học kỳ. Ký túc xá 2: 23,400 NTD /học kỳ.

Phí ký túc xá trong nghỉ hè và nghỉ đông sẽ được tính riêng theo tuần và được điều chỉnh theo tình hình thực tế.

- 2.生活費：建議每個月約新臺幣6,000元～10,000元。

Living expenses range from NTD 6,000 to NTD 10,000 per month.

Gợi ý chi phí sinh hoạt mỗi tháng khoảng 6,000~10,000 Đài tệ .

3. 其他費用 / Other fees / Các chi phí khác

項目 Description Mục	金額 Fee (NT\$) Chi phí	備註 Note Ghi chú
宿舍押金 Accommodation Deposit Tiền đảm bảo ký túc xá	3,000~8,000	新生入住後，扣抵水電費，餘款於完成離宿驗收後，可申請退款 After new students move in, utility fees will be deducted from their deposit. Any remaining balance will be refunded upon completion of the dormitory check-out. Sau khi sinh viên mới nhận phòng, tiền điện nước sẽ được khấu trừ, số dư còn lại đăng ký hoàn trả sau khi hoàn tất kiểm tra trả phòng.
傷病醫療保險費 Medical Insurance Fee Bảo hiểm thương tật	3,600	新生第一學期須辦理；若未符合全民健保投保資格，第二學期須續保 Mandatory for new students. Students who did not meet the requirements for the National Health Insurance are required to purchase this insurance continuously. Sinh viên mới phải đăng ký trong học kỳ 1; nếu không phù hợp tư cách Bảo hiểm Y tế Toàn dân, thì phải tiếp tục mua bảo hiểm trong học kỳ 2.
新生入學體檢費 Health Examination Khám sức khỏe	1,000-1,500	註冊報到時辦理 Mandatory for new students at registration Kiểm tra sức khỏe khi đăng ký nhập học.
臺灣居留證 ARC (Taiwan Resident Certificate) Thẻ cư trú	1,015	每一年須申請辦理一次證件更新 Renew once a year Mỗi năm phải nộp đơn xin gia hạn giấy tờ một lần
全民健保費 National Health Insurance Bảo hiểm y tế toàn dân	5,000	第二學期至第八學期，每學期收費 Charged per semester, from second semester until graduate Thu phí từ học kỳ 2 đến khi tốt nghiệp

註：費用為預估金額，實際金額以學生個人實際情況而不同。

Note : The fees are estimated amounts. The actual amount may vary subject to individual needs.

Ghi chú: Chi phí là số tiền ước tính, số tiền thực tế sẽ khác nhau tùy theo tình hình của từng sinh viên.

十四、其他 / Additional Notes / Các thông tin khác

1. 本招生簡章若有未盡事宜，悉依相關法令規定及本校學術交流與合作委員會決議辦理。
Matters not covered in this brochure shall be handled in accordance with the relevant laws and regulations and the resolution of the CYUT Academic Exchange and Collaboration Committee.
Nếu có bất kỳ điều khoản nào chưa được đề cập trong thông tin tuyển sinh này, tất cả sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật liên quan và các nghị quyết của Ủy ban Giao lưu Học thuật và Hợp tác của trường.

2. 請詳細閱讀朝陽科技大學（以下簡稱本校）依「個人資料保護法」（以下簡稱個資法）第8條及

第9 條規定所為以下「學生之個人資料蒐集、處理及利用告知事項」。請參閱本簡章第14 至16 頁。
Please read carefully the Notification on the Collection, Processing and Use of Personal Information of Applicants of Chaoyang University of Technology (hereinafter referred to as the “University”) according to the Articles 8 and 9 of the Personal Data Protection Act (hereinafter referred to as the “Act”). Please refer to page 14 to 16 in this brochure.

Vui lòng đọc kỹ thông báo về "Việc thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân của sinh viên" do Trường Đại học Khoa học Công nghệ Triều Dương (sau đây gọi là "Nhà trường") ban hành theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Bảo vệ Thông tin Cá nhân (sau đây gọi là "Luật Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân"). Vui lòng tham khảo nội dung chi tiết tại trang 14 đến trang 16 của cẩm nang này.

學生之個人資料蒐集、處理及利用告知事項

請詳細閱讀朝陽科技大學（以下簡稱本校）依「個人資料保護法」（以下簡稱個資法）第8條及第9條規定所為以下「學生之個人資料蒐集、處理及利用告知事項」。

一、 組織名稱：朝陽科技大學。

二、 個人資料蒐集之目的：

本校蒐集您個人資料的目的在於辦理學位生、雙聯學位、交換學生及其他入學申請相關作業，且當錄取時轉入學生學籍資料。

三、 個人資料之蒐集方式：

透過學生網路報名或書面遞交而取得學生個人資料。

（一）透過學生報名申請參加本校招生委員會提供申請人個人資料。

（二）學生於本校招生資訊網路系統登錄或修改之各項相關資料。

四、 個人資料之類別：

（一） 辨識個人者（C001）、辨識財務者（C002）、政府資料中之辨識者（C003）。

（二） 個人描述（C011）之性別、出生年月日、國籍。

（三） 家庭其他成員細節（C023）之監護人或緊急連絡人等。

（四） 住家及設施（C031）、移民情形（C033）之護照、居留證明文件。

（五） 學校紀錄（C051）、資格或技術（C052）、學生、應考人紀錄（C057）。

（六） 健康紀錄（C111）、其它裁判及行政處分（C115）。

前項各款個人資料類別，內容包括姓名、護照或居留證或護照號碼、生日、相片、性別、教育資料、緊急聯絡人、住址、電子郵件地址、聯絡資訊、轉帳帳戶、低收入戶或中低收入戶證明方式等。

五、 個人資料處理及利用：

（一）個人資料利用之期間：

學生個人資料及相關申請資料，除法令或中央事業主管機關另有規定外，以上開蒐集目的完成所需之期間為利用期間。

（二）個人資料利用之地區：臺灣地區或經學生授權處理、利用之地區。

（三）個人資料利用之對象：除本校外，尚包括本於完成上開蒐集目的之相關合作單位，包含教育部或其他學術研究機構等。

（四）個人資料利用之方式：

入學申請期間之行政作業與相關資訊之發送通知，提供作為錄取、報到、查驗及入學後活動辦理等作業，學生（或法定代理人）之聯絡，基於試務公信的必要揭露與學術研究及其他有助上開蒐集目的完成之必要方式。

六、 學生如未提供真實且正確完整之個人資料，將導致無法進行報名、緊急事件無法聯繫、錄取通知書無法送達等等，影響學生申請服務之權益。

七、 學生應確認提供之個人資料，均為真實且正確；如有不實或需變更者，應即檢附相關證明文件送本校辦理更正。

八、 本校得依法令規定或主管機關或司法機關依法所為之要求，將個人資料或相關資料提供予相關主管機關。

九、 個人資料之權利及權益：您依法得行使個人資料保護法第3條之查閱、更正個資等權利，但因法令另有規定者，本校得拒絕之。若因您行使上述權利，而導致權益受損時，本校將不負相關賠償責任。

除法令另有規定或主管機關另有要求外，學生如提出停止蒐集、處理、利用或請求刪除個人資料之請求，經評估會妨礙本校執行職務或完成上開蒐集目的，或導致本校違背法令或主管機關之要求時，本校得繼續蒐集、處理、利用或保留個人資料。

Notification on the Collection, Processing and Use of Personal Information of Applicants

1. Please read carefully the Notification on the Collection, Processing and Use of Personal Information of Applicants of Chaoyang University of Technology (hereinafter referred to as the “University”) according to the Articles 8 and 9 of the Personal Data Protection Act (hereinafter referred to as the “Act”).
2. Purpose of collecting personal information:
Your personal information is collected for processing applications for degree, dual degree, exchange students, and other admissions and for the transfer of student registration data upon admission.
3. Method of collecting personal information:
Personal information is collected from online registration or application made in person.
 - a. Personal information is provided by the applicants during admission application reviewed by the University’s Admission Committee.
 - b. Personal information that the applicants have logged in or edited on the University’s online information system.
4. Personal information categories:
Identifying individuals (C001), identifying finance (C002), identifying in government data (C003), individual description: gender, date of birth, nationality (C011), details about other family members: guardian, emergency contact (C023), residential and facility information (C031), immigration: passport, residency proof document (C033), schools record (C051), qualification or technique (C052), and record of students, apprentices, examinees (C57), health records (C111), other judicial or administrative sanctions (C115) which entails name, number of resident certificate or passport, date of birth, photo, gender, education information, emergency contact, resident address, email address and contact information.
5. Processing and use of personal information:
 - a. The period within which the personal data can be used:
Unless otherwise stipulated by the law or the central competent authority in respect of the retention period of personal information, the retention period of the personal information by the University shall be the time required for the above purposes for collection to be fulfilled.
 - b. The area where the personal information is used: Taiwan area or areas authorized by the applicant/student for processing and use.
 - c. Object of the use of personal information: The University or partnership institutions for completing the above collection purposes, including the Ministry of Education R.O.C. (Taiwan) and other academic research institutions.
 - d. Methods of using the personal information:
Methods which are necessary for the admission, reporting to the University, verification, registration, management of new students by the University, contact with students/applicants (parents, guardians), and event participation which is required for the fulfillment of the above collection purposes.
6. The applicant’s failure to provide true and complete personal information may lead to his or her inability to register for the application or to be contacted during emergency, or the failed delivery of admission notices, which will adversely affect the applicant’s application services.
7. All applicants shall make sure that the personal information provided is true and accurate. If any personal information is untrue or to be modified, the applicants shall promptly submit the relevant supporting document to the University for such correction.
8. The University may provide personal information or the relevant information according to the law or upon the request by the central competent authority or the judicial authority
9. Applicants may request to inquire or correct the personal information, according to Article 3 of the Act, except when allowed under other regulations, the University could reject your requests. Should you suffer any losses due to such requests, the University shall not be held responsible for any compensation. For the exercise of the aforementioned rights, please contact the International Special Program Division, Office of International Affairs of the University at +886-4-2332-3000 (ext. 3124).
10. If applicants request to stop collecting, processing, using or deleting personal information, which is assessed that could affect the University to execute or complete the above collection purposes or that would lead the University to disobey the laws or the requests of the authorities, the University should continue to collect, process, use or keep the personal information, except when allowed under other regulations or requested by the authorities.

Thông Báo Về Việc Thu Thập, Xử Lý Và Sử Dụng Thông Tin Cá Nhân Của Sinh Viên

Vui lòng đọc kỹ "Thông báo về việc thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân của sinh viên" do Trường Đại học Khoa học Công nghệ Triều Dương (sau đây gọi là "Nhà trường") ban hành theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Bảo vệ Thông tin Cá nhân (sau đây gọi là "Luật Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân").

1. Tên tổ chức: Trường Đại học Khoa học Công nghệ Triều Dương.
2. Mục đích thu thập thông tin cá nhân: Nhà trường thu thập thông tin cá nhân của sinh viên nhằm phục vụ xét duyệt đơn đăng ký nhập học, bao gồm chương trình đào tạo chính quy, chương trình bằng kép, chương trình trao đổi sinh viên và các thủ tục liên quan khác. Khi sinh viên trúng tuyển, thông tin cá nhân sẽ được tích hợp vào hệ thống quản lý sinh viên.
3. Phương thức thu thập thông tin cá nhân: Thông tin cá nhân của sinh viên được thu thập thông qua
 - a. Hồ sơ đăng ký trực tuyến hoặc nộp trực tiếp bằng văn bản.
 - b. Dữ liệu cá nhân mà sinh viên cung cấp hoặc chỉnh sửa trên hệ thống tuyển sinh của Nhà trường.
4. Loại thông tin cá nhân được thu thập: Thông tin nhận dạng cá nhân (C001). Thông tin nhận dạng tài chính (C002). Thông tin nhận dạng theo dữ liệu chính phủ (C003). Mô tả cá nhân (C011): giới tính, ngày tháng năm sinh, quốc tịch. Thông tin về thành viên gia đình (C023): người giám hộ, người liên hệ khẩn cấp, v.v. Thông tin di trú (C033): hộ chiếu, giấy phép cư trú. Hồ sơ học tập (C051), bằng cấp hoặc chứng chỉ chuyên môn (C052). Hồ sơ sinh viên và thí sinh dự tuyển (C057). Các thông tin trên bao gồm họ tên, số hộ chiếu hoặc số thẻ cư trú, ngày sinh, ảnh chân dung, giới tính, thông tin giáo dục, người liên hệ khẩn cấp, địa chỉ, email, số điện thoại, tài khoản ngân hàng, giấy chứng nhận hộ thu nhập thấp hoặc cận nghèo, v.v.
5. Xử lý và sử dụng thông tin cá nhân:
 - a. Thời hạn sử dụng: Thông tin cá nhân của sinh viên sẽ được sử dụng trong thời gian cần thiết để hoàn thành các mục đích thu thập, trừ khi có quy định khác từ cơ quan có thẩm quyền.
 - b. Phạm vi sử dụng: Thông tin cá nhân có thể được sử dụng trong lãnh thổ Đài Loan hoặc khu vực khác theo sự đồng ý của sinh viên.
 - c. Đối tượng sử dụng: Ngoài Nhà trường, thông tin cá nhân có thể được cung cấp cho các đơn vị liên quan nhằm hoàn thành mục đích thu thập, bao gồm Bộ Giáo dục và các tổ chức nghiên cứu học thuật khác.
 - d. Phương thức sử dụng: Thông tin cá nhân được sử dụng cho quá trình xét duyệt nhập học, gửi thông báo trúng tuyển, làm thủ tục nhập học, quản lý sinh viên, liên lạc với sinh viên hoặc người đại diện hợp pháp, phục vụ công tác khảo thí và nghiên cứu học thuật, cũng như các mục đích khác có liên quan.
6. Hệ quả nếu không cung cấp thông tin cá nhân chính xác và đầy đủ: Sinh viên không cung cấp thông tin cá nhân đúng và đầy đủ sẽ không được tiếp nhận đơn đăng ký, không nhận được thông báo trúng tuyển, không thể liên hệ trong trường hợp khẩn cấp, gây ảnh hưởng đến quyền lợi trong quá trình nhập học.
7. Xác nhận và chỉnh sửa thông tin cá nhân: Sinh viên phải đảm bảo tính chính xác và trung thực của thông tin cá nhân đã cung cấp. Nếu có sai sót hoặc cần thay đổi, sinh viên phải nộp các tài liệu chứng minh hợp lệ để Nhà trường tiến hành chỉnh sửa.
8. Cung cấp thông tin cá nhân theo yêu cầu pháp luật: Nhà trường có quyền cung cấp thông tin cá nhân của sinh viên cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cơ quan tư pháp nếu có yêu cầu theo quy định pháp luật.
9. Quyền lợi của sinh viên đối với thông tin cá nhân: Theo Điều 3 của Luật Bảo vệ Dữ liệu Cá Nhân, sinh viên có quyền yêu cầu xem xét, chỉnh sửa thông tin cá nhân. Nếu có quy định pháp luật khác, Nhà trường có quyền từ chối yêu cầu này. Nhà trường sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường nếu sinh viên bị ảnh hưởng quyền lợi do việc thực hiện các quyền trên.
10. Yêu cầu ngừng thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân: Ngoại trừ trường hợp pháp luật hoặc cơ quan quản lý có quy định khác, nếu sinh viên yêu cầu ngừng thu thập, xử lý hoặc xóa bỏ thông tin cá nhân, nhưng việc này ảnh hưởng đến hoạt động của Nhà trường hoặc vi phạm quy định pháp luật, Nhà trường có quyền tiếp tục thu thập, xử lý và lưu giữ thông tin cá nhân.



朝陽科技大學
115學年度秋季班國際學生產學合作專班
入學申請表

Chaoyang University of Technology
Admission Application for Industrial-Academia
Collaboration Program Academic Year 2026 Fall Intake

Trường Đại Học Khoa Học Công Nghệ Triều Dương
Đơn đăng ký nhập học Hệ Chuyên Ban Quốc Tế Tân Hướng Nam
(vừa học vừa làm) Năm 2026 Kỳ Mùa Thu

附錄一
Appendix 1
Phụ Lục 1

PHOTO
請黏貼2吋半身
正面脫帽照片(背面書寫
姓名及報名系所)
A passport-size photo
stated you name and course
apply for
Ảnh 4x6 phòng nền trắng

1. 申請人資料 / Personal Information / Thông tin người nộp đơn

姓 名 Full Name Họ và tên	中文/ Chinese Tên tiếng Trung		出生日期 Date of Birth Ngày tháng năm sinh	/ / (day) (month) (year) (ngày) (tháng) (năm)
	英文 English Tên tiếng Anh		性 別 Gender Giới tính	☐ 男 Male / Nam ☐ 女 Female/ Nữ
地 址 Home Address Địa chỉ			電 話 Telephone Số điện thoại	
現在通訊處 Correspondence Address Địa chỉ hiện tại			手機/Cell Phone Số điện thoại	
			電子郵件信箱 E-mail	
出生地點 Place of Birth Nơi sinh		國 籍 Nationality Quốc tịch	護照號碼 Passport No. Hộ chiếu	

2. 監護人資料/ Information of Guardian / Thông tin người giám hộ

姓 名 Full Name Họ và tên	中文 (Chinese) Tên tiếng Trung	聯絡電話 Contact No. Số điện thoại	
	英文 (English) Tên tiếng Anh	電子郵件信箱 E-mail	
		職 業 Occupation Nghề nghiệp	
地 址 Home Address Địa chỉ	與申請人關係 Relationship Quan hệ		

3. 教育背景/Education Background / Trình độ học vấn

最高學歷 Highest Education Trình độ học vấn cao nhất	學校名稱 Name of School Tên trường	學校所在地 City and Country Thuộc thành phố	學位 Degree Granted Học vị	畢業日期 Graduation Date Thời gian tốt nghiệp	主修 Major Chuyên ngành
其他學歷/專業訓練 Other Education/ Training Bằng cấp/chứng chỉ khác					

4.擬申請就讀系所及學位/Department/ Graduate Institute where Degree Sought /Chuyên ngành lựa chọn

系所名稱 Department Chuyên ngành	☐ 休閒事業管理系/ Leisure Services Management / Quản lý Dịch vụ Giải trí ☐ 行銷與流通管理系/ Marketing and Logistics Management/ Quản lý Marketing và Vật lưu ☐ 應用化學系/ Applied Chemistry /Hóa học Ứng dụng
入學時程 Term of Enrollment Thời gian nhập học	☒ 2026年秋季班 / Fall intake 2026 / Kỳ mùa thu năm 2026

5.語言能力/ Language Proficiency/ Năng lực ngôn ngữ

中文語文能力Chinese Language / Năng lực Tiếng Trung

學習中文幾年? How many years have you formally studied Chinese? Đã học Tiếng Trung bao lâu?		
學習中文環境 (高中、大學、語文機構) Where did you learn Chinese (high school, college, language institute) Học tiếng Trung tại đâu? (THPT, đại học, trung tâm ngôn ngữ)		
您是否參加過中文語文能力測驗? Have you taken any test of Chinese language? Có chứng chỉ tiếng Trung không?	何種測驗 What kind of the test Chứng chỉ	分數 Score Điểm
☐ 是 Yes Có ☐ 否 No Không		

英文 / English / Tiếng Anh

學習英文幾年? How many years have you formally studied English? Đã học Tiếng Anh bao lâu?		
學習英文環境 (高中、大學、語文機構) Where did you learn English (high school, college, language institute) Học tiếng Anh tại đâu? (THPT, đại học, trung tâm ngôn ngữ)		
您是否參加過英文語文能力測驗? Have you taken any test of English language? Có chứng chỉ tiếng Anh không?	何種測驗 What kind of the test Chứng chỉ	分數 Score Điểm
☐ 是 Yes Có ☐ 否 No Không		

6.在本校求學期間各項費用來源: Major financial source while studying at CYUT/ Các nguồn tài chính khi học tập tại trường

☐ 臺灣獎助學金 Taiwan Scholarship Học bổng Đài Loan	☐ 個人儲蓄Personal Savings Tự tích góp ☐ 父母供給Parental Supports Trợ cấp từ bố mẹ	☐ 本校獎(助)學金CYUT Scholarship Học bổng nhà trường ☐ 其他 Others (Khác) _____
--	--	---

7.健康情形/Health Condition/Tình trạng sức khỏe

是否有身心健康問題或特殊醫療需求? Do you have any physical, mental or other conditions that require special medical attention? Có vấn đề sức khỏe tinh thần hoặc nhu cầu y tế đặc biệt không?

☐ 是 Yes Có ☐ 否 No Không

若是, 請說明 If yes, please specify Nếu có, nêu rõ tình trạng: _____

是否為身障人士? Are you a physically disabled person? Có phải người khuyết tật không?

☐ 是 Yes Có ☐ 否 No Không

若是，請說明 If yes, please specify Nếu có, nêu rõ tình trạng: _____

請務必誠實告知，以便突發狀況時，允許學校的專業醫護人員提供適當的協助。

Completion and signing of this form give us permission to administer first aid by professional trained first-aiders if required.

Yêu cầu thành thật khai báo để nhân viên y tế nhà trường có thể hỗ trợ kịp thời trong trường hợp khẩn cấp.

8. 犯罪紀錄/ Criminal Record/Tiền án tiền sự

是否曾有被定罪的犯罪紀錄? Have you been convicted of a relevant criminal offence?

Có tiền án tiền sự không?

☐ 是 Yes Có ☐ 否 No Không

若是，請提供相關紀錄資料。If you have answered yes to this question, please provide full details with your application on a separate sheet. Nếu có, cung cấp thông tin liên quan.

9. 簽證資訊 / Visa Information /Thông tin thị thực

是否曾經來臺灣? Have you ever been to Taiwan? Đã từng đến Đài Loan chưa?

☐ 是 Yes Có ☐ 否 No Không

若是，請說明簽證種類並提供相關文件。If yes, please provide the visa type and related documents.

Nếu có, cung cấp chi tiết loại visa và tài liệu liên quan.

☐ 工作/ Work/ Công việc ☐ 就學/ Study/Du học ☐ 觀光/ Tourist /Du lịch

☐ 其他, 請說明/ Others, please specify/ Khác, nêu rõ: _____

目前是否居留臺灣? Are you currently residing in Taiwan? Hiện tại có ở Đài Loan không?

☐ 是 Yes Có ☐ 否 No Không

是否持有臺灣居留證? Are you a holder of an ARC card? Có thể cư trú Đài Loan không?

☐ 是 Yes Có ☐ 否 No Không

若是，請提供居留證影本。If yes, please provide a copy of ARC. Nếu có, cung cấp bản sao thẻ cư trú.

10. 申請資訊來源 /Information Source /Nguồn thông tin đăng ký

(至少選擇一項/ Choose at least One/ Chọn ít nhất một mục)

如何得知朝陽科技大學 How did you hear about Chaoyang University of Technology (CYUT)?

Phương thức tìm hiểu về Trường Đại học Khoa học Công nghệ Triều Dương?

☐ 校友推薦 /Alumni/ Cựu sinh viên ☐ 廣告文宣/Advertisement /Tài liệu quảng cáo

☐ 朝陽科技大學華語中心 CYUT Chinese Learning Center/ Trung tâm hoa ngữ nhà trường

☐ 教育展 / Exhibition/ Triển lãm ☐ 網路CYUT Website / Trang chủ nhà trường

☐ 其他, 請說明 Others, please specify / Khác, giải thích: _____

11.繳交資料記錄表（申請人務必在檢核欄內打勾）

Checklist for Application (check the appropriate box)

Thống kê tài liệu đã nộp (người nộp đơn cần đánh dấu vào ô để kiểm tra)

檢核 Check Kiểm tra	繳交資料項目 Required Documentation Tài liệu đăng ký
	1. 入學申請表(務必提供證件照片) / Application form with a 2-inch photo. Đơn đăng ký nhập học.(Vui lòng cung cấp ảnh thẻ 2 inch)
	2. 護照影印本或其他國籍證明文件 Passport copy or other equivalent verification of nationality. Bản sao hộ chiếu hoặc các giấy tờ chứng minh quốc tịch khác.
	3. 最高學歷歷年成績單影印本（中、英文以外之語文，應附中文或英文譯本） Academic Transcripts: A copy of the official transcript of the highest education attained which has the detailed history of the applicant's academic records. Bản sao bảng điểm học vị cao nhất (Nộp kèm bản dịch tiếng Trung hoặc tiếng Anh, đối với ngôn ngữ khác)
	4. 最高學歷畢業證書影印本（中、英文以外之語文，應附中文或英文譯本） Degree Certificates: A copy of the highest education diploma. Bản sao bằng tốt nghiệp học vị cao nhất (Nộp kèm bản dịch tiếng Trung hoặc tiếng Anh, đối với ngôn ngữ khác)
	5. 財力證明：當地正式立案之銀行機構所開立的財力證明，或政府、本校或民間機構提供全額獎助學金之證明；財力證明不得少於新臺幣十萬元或等值至少美金4,000元。若財力證明非申請者本人，則須附上經濟資助信。 Financial Proof: A financial statement with a minimum amount of NTD100,000 or an equivalent of at least USD 4,000, or a copy of a full scholarship award certificate issued by a government agency, university, college, or a private organization. If the financial statement is not in the name of the applicant, an Affidavit of Support must be included. Chứng minh tài chính: Do ngân hàng tại nước sở tại cấp, hoặc giấy chứng nhận học bổng toàn phần do chính phủ, nhà trường hoặc tổ chức tư nhân cung cấp, chứng minh tài chính phải có số dư tối thiểu 100.000 Đài tệ hoặc ít nhất tương đương với 4,000USD. Nếu chứng minh tài chính không đứng tên người nộp đơn, cần đính kèm thư bảo trợ tài chính từ người bảo trợ.
	6. 讀書計畫 Study Plan: in Chinese or English. Kế hoạch học tập (tiếng Trung hoặc tiếng Anh)
	7. 系所附加之審查資料或其他參考文件(如推薦信、履歷表或作品集等)。 Additional documents required by the department or other supporting (e.g. CV, recommendation letter, portfolio, etc.). Tài liệu bổ sung của khoa hoặc các tài liệu tham khảo khác (như thư giới thiệu, lý lịch cá nhân hoặc chứng chỉ, tác phẩm...)

☐ 以上資料確由本人填寫，並經詳細檢查，保證正確無誤。

I completed the above information and checked thoroughly to ensure its accuracy.

Thông tin trên được tôi điền và đã được kiểm tra, không có gì sai sót.

申請人簽名

Applicant's Signature

Chữ ký người đăng ký _____

日期

Date

Ngày _____ / _____ / _____
(day /ngày) (month/ tháng) (year/năm)

切結書 AFFIDAVIT

- 一、本人保證不具僑生身分且未曾以「僑生回國就學及輔導辦法」申請入學中華民國國內之其他大學院校。I, the undersigned applicant, guarantee that I am not an Overseas Chinese Student and never used the provisions in “Regulations for Studying in Taiwan and Assistance for Overseas Chinese Students” to apply for admission to any university in Taiwan. Tôi xin cam kết không phải là sinh viên Hoa Kiều và chưa từng sử dụng Quy định hỗ trợ học tập cho Sinh viên Hoa Kiều trở về nước để nộp đơn vào trường đại học khác ở Đài Loan
- 二、本人保證符合本簡章第1頁之申請資格。I guarantee that I meet the Qualifications on Page 1 of this brochure. Tôi cam kết đáp ứng các tiêu chuẩn đăng ký ở trang 1 của thông tin tuyển sinh.
- 三、本人所提供之最高學歷畢業證書（申請大學部4年制者提出高中畢業證書）在畢業學校所在地國家合法有效取得。所持之證件相當於中華民國國內之各級合法學校授予之相當學位。本人在臺未以僑生身分申請其他大學校院。The highest-level diploma which I present (senior high school diploma for 4-year undergraduate applicants) is recognized as valid and legal by the educational institution of the country where I studied. The certificate of my educational level is equivalent to that awarded by an accredited educational institution of the Republic of China (R.O.C.), Taiwan. I have not previously applied to any academic institutions in the R.O.C. as an Overseas Chinese Student. Bằng tốt nghiệp học vị cao nhất tôi cung cấp (học sinh đăng ký học đại học 4 năm yêu cầu cung cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông) đã được hợp pháp hóa tại quốc gia nơi trường tọa lạc. Chứng chỉ được cấp tương đương với bằng cấp do các trường hợp pháp tại Đài Loan cấp. Tôi chưa từng sử dụng tư cách sinh viên Hoa Kiều đăng ký trường đại học khác ở Đài Loan.
- 四、本人未曾因操行、學業成績不及格或因犯刑事案件經判刑確定或因故致遭退學。I have not been dismissed from school due to misconduct, academic failure, criminal convictions, or any other reason resulting in a confirmed sentence. Tôi chưa bao giờ bị đuổi học do vi phạm tội hình sự, kết quả học tập hoặc hạnh kiểm kém hoặc lý do khác.
- 五、本人知悉於就學期間在臺設戶籍登記、戶籍遷入登記、歸化或回復中華民國國籍者，喪失外國學生身分，需經退學處分。I acknowledge that I will be withdrawn from Chaoyang University of Technology (CYUT) if my identity of international student has been lapsed by establishing household registration, moving-in registration, naturalizing or regaining R.O.C. citizenship. Tôi hiểu rõ trong thời gian học tập tại Đài Loan, việc đăng ký hộ khẩu, khôi phục quốc tịch Đài Loan, mất đi tư cách sinh viên nước ngoài sẽ bị buộc thôi học.
- 六、本人了解未據實告知、隱匿、遺漏或不實說明個人身心健康狀況、醫療紀錄或發生其他無法預期事故，而造成危害個人或他人之行為，本人同意校方啟動必要之緊急處理程序，承擔一切責任（含財損），絕無異議。I am fully aware of providing personal health and special medical request information as required. If information is found to be fault, cause harms and/or damage to individual and/or others after admission, I will accept revocation of my status as a student of CYUT and take all responsibilities. Tôi đã hiểu rõ nếu không cung cấp thông tin sự thật hoặc cố tình giấu kín về tình trạng sức khỏe, hồ sơ y tế hoặc các sự cố không thể dự đoán khác, dẫn đến hành vi gây hại cho bản thân hoặc người khác, tôi đồng ý xử lý theo quy định của nhà trường và hoàn toàn chịu trách nhiệm (bao gồm thiệt hại tài chính), tuyệt không phản đối.
- 七、上述所陳之任一事項，本人同意授權貴校查證，如有不實或不符規定等情事，於入學後經查證屬實者，本人願意接受貴校註銷學籍處分，絕無異議。I authorize CYUT to verify the authenticity of all the documents provided hereby. If anything is found to be false after admission, I will accept revocation of my status as a student of CYUT and agree such decision made by CYUT is final and irrevocable. Tôi đồng ý ủy quyền cho nhà trường kiểm tra bất kỳ thông tin nào được nêu trên, nếu sau khi nhập học phát hiện không chính xác hoặc không tuân thủ quy định. Tôi đồng ý bị hủy bỏ tư cách học sinh của nhà trường, tuyệt không phản đối.
- 八、錄取後，本人同意遵守貴校相關註冊及報到規範。I agree to abide by all the relevant registration policy of your school once I accept the offer. Sau khi nhập học, tôi cam kết tuân thủ các quy định về đăng ký nhập học và báo danh của trường.
- 九、簡章中文版與英譯版語意有所差異時，依中文版為準。If there are any discrepancy or contradiction between the Chinese and translated English versions of the brochure, the Chinese version shall prevail. Nếu có bất kỳ sự khác biệt nào về thông tin giữa bản tiếng Trung của thông tin nhập học và bản dịch tiếng Anh hoặc tiếng Việt thì bản tiếng Trung sẽ được ưu tiên áp dụng.
- 十、於學習期間未能通過當年度華語測驗門檻者，同意依規定辦理退學及相關出境事宜。I understand if I fail to achieve the required level of Chinese learning I should withdraw my student status and comply with the Immigration Regulations to return to my home country. Tôi hiểu rõ và đồng ý trong quá trình học tập, nếu không đạt được ngưỡng chứng chỉ tiếng Trung của năm học đó, sẽ bị đuổi học và hoàn tất các thủ tục liên quan khi xuất cảnh.

☐ 本人已詳細閱讀並同意上述說明內容，並確認提供正確詳實的個人資訊。

I have read and accept term and conditions listed above and I confirm my personal details are correct.

Tôi đã đọc kỹ và đồng ý với nội dung giải thích trên, đồng thời xác nhận cung cấp thông tin cá nhân chính xác.

申請人簽名

Applicant's Signature

Chữ ký người đăng ký _____

日期

Date

Ngày _____ / _____ / _____

(day/ngày) (month/tháng) (year/năm)

授權書

Letter of Authorization

GIẤY ỦY QUYỀN

我授權朝陽科技大學查證我所提供的所有資料。

I authorize Chaoyang University of Technology to verify all the information I provided.

Tôi ủy quyền cho Trường Đại học Khoa học Công Nghệ Triều Dương kiểm định tất cả các tài liệu mà tôi cung cấp.

出生日期 Date of Birth Ngày tháng năm sinh	dd/ mm/yyyy
護照號碼 Passport Number Số hộ chiếu	
正楷書寫全名 Full Name in Capital Letter Họ và tên	

簽名(全名)：

Applicant's Signature (Full Name)

Ký tên (Họ và tên)

申請日期/ Application date (dd/mm/yyyy)：

Ngày đăng ký (Ngày/tháng/năm)



朝陽科技大學

115學年度秋季班國際學生產學合作專班入學申訴申請表

Chaoyang University of Technology

Industry-Academic Collaboration Program

Appeal Form Academic Year 2026 Fall Intake

Trường Đại Học Khoa Học Công Nghệ Triều Dương

Đơn đăng ký khiếu nại Hệ Chuyên Ban Quốc Tế Tân Hướng Nam

(Vừa học Vừa làm) Năm 2026 Kỳ Mùa Thu

(請正楷書寫/ in Capital Letter/ viết bằng chữ in hoa)

申請人姓名 Full Name Họ và tên	IN CAPITAL LETTER/ VIẾT BẰNG CHỮ IN HOA		
護照證號 Passport Number Số hộ chiếu		聯絡電話/手機 Cellphone Number Số điện thoại	
申請系組 Department Khoa			
電子郵件信箱 Email Address	IN CAPITAL LETTER/ VIẾT BẰNG CHỮ IN HOA		
通訊地址 Correspondence Address Địa chỉ hiện tại			
申訴內容 / Information and Grounds for Appeal / Nội dung khiếu nại			
申請人簽名/Applicant's Signature : Chữ ký người đăng ký:			
申請日期 Application Date Ngày đăng ký	日(dd/ngày)	月(mm/tháng)	年(yyyy/năm)
處理結果 (申請人勿填) /Result of Appeal (Office Use Only) Kết quả (Dành cho giáo viên điền)			
複核審定日期 Date/ Ngày	日(dd/ngày)	月(mm tháng)	年(yyyy/năm)

注意事項/ Notes/ Ghi chú :

- 申請者對於申請審核結果認為有損其權益情形時，可於公告錄取名單日起7日內，填寫申訴表並寄發電郵向本校學術交流與合作委員會提出申訴。Applicants may file an appeal with the CYUT Academic Exchange and Collaboration Committee by filling out an appeal form and sending it to icsc@cyut.edu.tw within 7 days from the date of the announcement of the admission result if they find that the results are detrimental to their rights.
Sinh viên nếu nhận thấy kết quả ảnh hưởng đến quyền lợi của mình, có thể nộp đơn khiếu nại lên Ủy ban Giao lưu Học thuật và Hợp tác của Trường Đại học Khoa học Công nghệ Triều Dương bằng cách điền vào đơn khiếu nại và gửi đến icsc@cyut.edu.tw trong vòng 7 ngày kể từ ngày công bố kết quả tuyển sinh.
- 申訴案件以申請者本人為當事人，不受理其他人申訴。Cases of appeal will only be considered when filed by the applicant as the party involved; appeals submitted by anyone else will not be considered.
Trường hợp khiếu nại chỉ chấp nhận do chính sinh viên đương sự nộp, sẽ không chấp nhận khiếu nại do người khác.
- 申訴以一次為限，逾期不受理。Appeal can only be filed once. Overdue submissions will not be processed.
Trường hợp khiếu nại chỉ được nộp một lần và sẽ không được chấp nhận nếu quá thời hạn quy định.

入學大學同等學力認定標準

中華民國 111 年 1 月 25 日教育部臺教高通字第 1112200196A 號令修正發布

第 1 條

本標準依大學法第二十三條第四項規定訂定之。

第 2 條

具下列資格之一者，得以同等學力報考大學學士班（不包括二年制學士班）一年級新生入學考試：

一、高級中等學校及進修學校肄業學生有下列情形之一：

- （一）僅未修習規定修業年限最後一年，因故休學、退學或重讀二年以上，持有學校核發之歷年成績單，或附歷年成績單之修業證明書、轉學證明書或休學證明書。
- （二）修滿規定修業年限最後一年之上學期，因故休學或退學一年以上，持有學校核發之歷年成績單，或附歷年成績單之修業證明書、轉學證明書或休學證明書。
- （三）修滿規定年限後，因故未能畢業，持有學校核發之歷年成績單，或附歷年成績單之修業證明書、轉學證明書或休學證明書。

二、五年制專科學校及進修學校肄業學生有下列情形之一：

- （一）修滿三年級下學期後，因故休學或退學一年以上，持有修業證明書、轉學證明書或休學證明書，並檢附歷年成績單。
- （二）修讀四年級或五年級期間，因故休學或退學，或修滿規定年限，因故未能畢業，持有修業證明書、轉學證明書或休學證明書，並檢附歷年成績單。

三、依藝術教育法實施一貫制學制肄業學生，持有修業證明者，依其修業情形屬高級中等學校或五年制專科學校，準用前二款規定。

四、高級中等學校及職業進修（補習）學校或實用技能學程（班）三年級（延教班）結業，持有修（結）業證明書。

五、自學進修學力鑑定考試通過，持有普通型高級中等學校、技術型高級中等學校或專科學校畢業程度學力鑑定通過證書。

六、知識青年士兵學力鑑別考試及格，持有高中程度及格證明書。

七、國軍退除役官兵學力鑑別考試及格，持有高中程度及格證明書。

八、軍中隨營補習教育經考試及格，持有高中學力證明書。

九、下列國家考試及格，持有及格證書：

- （一）公務人員高等考試、普通考試或一等、二等、三等、四等特種考試及格。
- （二）專門職業及技術人員高等考試、普通考試或相當等級之特種考試及格。

十、持大陸高級中等學校肄業文憑，符合大陸地區學歷採認辦法規定，並有第一款所列情形之一。

十一、技能檢定合格，有下列資格之一，持有證書及證明文件：

- （一）取得丙級技術士證或相當於丙級之單一級技術士證後，從事相關工作經驗五年以上。
- （二）取得乙級技術士證或相當於乙級之單一級技術士證後，從事相關工作經驗二年以上。
- （三）取得甲級技術士證或相當於甲級之單一級技術士證。

十二、年滿二十二歲，且修習下列不同科目課程累計達四十學分以上，持有學分證明：

- (一) 專科以上學校推廣教育學分班課程。
- (二) 教育部認可之非正規教育課程。
- (三) 空中大學選修生選修課程（不包括推廣教育課程）。
- (四) 職業訓練機構開設經教育部認可之專科以上教育階段職業繼續教育學分課程。
- (五) 專科以上學校職業繼續教育學分課程。

十三、年滿十八歲，且修習下列不同科目課程累計達一百五十學分以上，持有學分證明：

- (一) 職業訓練機構開設經學校主管機關認可之高級中等教育階段職業繼續教育學分課程。
- (二) 高級中等學校職業繼續教育學分課程。

十四、空中大學選修生，修畢四十學分以上（不包括推廣教育課程），成績及格，持有學分證明書。

十五、具有下列非學校型態實驗教育資格之一：

- (一) 符合高級中等以下教育階段非學校型態實驗教育實施條例第三十條第二項規定。
- (二) 參與高級中等教育階段非學校型態實驗教育一年六個月以上，且與就讀五年制專科學校合計三年以上。

第 3 條

1. 具下列資格之一者，得以同等學力報考大學二年制學士班一年級新生入學考試：

一、二年制專科學校及進修學校肄業學生有下列情形之一：

- (一) 修滿規定修業年限最後一年之上學期，因故休學或退學二年以上，持有修業證明書、轉學證明書或休學證明書，並檢附歷年成績單。
- (二) 修讀規定修業年限最後一年之下學期期間，因故休學或退學一年以上，持有修業證明書、轉學證明書或休學證明書，並檢附歷年成績單。
- (三) 修滿規定修業年限，且已修畢畢業應修學分八十學分以上，因故未能畢業，持有修業證明書、轉學證明書或休學證明書，並檢附歷年成績單。

二、三年制專科學校及進修學校肄業學生有下列情形之一：

- (一) 僅未修習規定修業年限最後一年，因故休學或退學三年以上，持有修業證明書、轉學證明書或休學證明書，並檢附歷年成績單。
- (二) 修滿規定修業年限最後一年之上學期，因故休學或退學二年以上，持有修業證明書、轉學證明書或休學證明書，並檢附歷年成績單。
- (三) 修讀規定修業年限最後一年之下學期期間，因故休學或退學一年以上，持有修業證明書、轉學證明書或休學證明書，並檢附歷年成績單。

三、五年制專科學校及進修學校肄業學生有下列情形之一：

- (一) 僅未修習規定修業年限最後一年，因故休學或退學三年以上，持有修業證明書、轉學證明書或休學證明書，並檢附歷年成績單。
- (二) 修滿規定修業年限最後一年之上學期，因故休學或退學二年以上，持有修業證明書、轉學證明書或休學證明書，並檢附歷年成績單。
- (三) 修讀規定修業年限最後一年之下學期期間，因故休學或退學一年以上，持有修業證明書、轉學證明書或休學證明書，並檢附歷年成績單。

(四) 修滿規定修業年限，且已修畢畢業應修學分二百二十學分以上，因故未能畢業，持有修業證明書、轉學證明書或休學證明書，並檢附歷年成績單。

四、大學學士班（不包括空中大學）肄業，修滿二年級下學期，持有修業證明書、轉學證明書或休學證明書，並檢附歷年成績單。

五、自學進修學力鑑定考試通過，持有專科學校畢業程度學力鑑定通過證書。

六、下列國家考試及格，持有及格證書：

(一) 公務人員高等考試或一等、二等、三等特種考試及格。

(二) 專門職業及技術人員高等考試或相當等級之特種考試及格。

七、技能檢定合格，有下列資格之一，持有證書及證明文件：

(一) 取得乙級技術士證或相當於乙級之單一級技術士證後，從事相關工作經驗四年以上。

(二) 取得甲級技術士證或相當於甲級之單一級技術士證後，從事相關工作經驗二年以上。

八、符合年滿二十二歲、高級中等學校畢（結）業或修滿高級中等學校規定修業年限資格之一，並修習下列不同科目課程累計達八十學分以上，持有學分證明：

(一) 大學或空中大學之大學程度學分課程。

(二) 專科以上學校推廣教育學分班課程。

(三) 教育部認可之非正規教育課程。

(四) 職業訓練機構開設經教育部認可之專科以上教育階段職業繼續教育學分課程。

(五) 專科以上學校職業繼續教育學分課程。

九、持有高級中等學校畢業證書後，從事相關工作經驗五年以上，並經大學校級或聯合招生委員會審議通過。

十、依藝術教育法實施一貫制學制肄業學生，持有修業證明者，依其修業情形屬五年制專科學校或大學學士班，準用第三款及第四款規定。

2. 專科以上學校推廣教育實施辦法中華民國一百年七月十三日修正施行後，本標準一百零二年一月二十四日修正施行前，已修習前項第八款第二目所定課程學分者，不受二十二歲年齡限制。

第 4 條

1. 具下列資格之一者，得以同等學力報考大學學士班（不包括二年制學士班）轉學考試，轉入二年級或三年級：

一、學士班肄業學生有下列情形之一，持有修業證明書、轉學證明書或休學證明書，並檢附歷年成績單：

(一) 修業累計滿二個學期以上者，得轉入二年級上學期。

(二) 修業累計滿三個學期以上者，得轉入二年級下學期。

(三) 修業累計滿四個學期以上者，得轉入三年級上學期。

(四) 修業累計滿五個學期以上者，得轉入三年級下學期。

二、大學二年制學士班肄業學生，修滿一年級上學期，持有修業證明書、轉學證明書或休學證明書，並檢附歷年成績單。

三、專科學校學生有下列情形之一：

(一) 取得專科學校畢業證書或專修科畢業。

(二) 修滿規定修業年限之肄業學生，持有修業證明書、轉學證明書或休學證明書，並檢附歷年

成績單。

四、自學進修學力鑑定考試通過，持有專科學校畢業程度學力鑑定通過證書。

五、符合年滿二十二歲、高級中等學校畢（結）業或修滿高級中等學校規定修業年限資格之一，並修習下列不同科目課程累計達八十學分以上，持有學分證明：

- （一）大學或空中大學之大學程度學分課程。
- （二）專科以上學校推廣教育學分班課程。
- （三）教育部認可之非正規教育課程。
- （四）職業訓練機構開設經教育部認可之專科以上教育階段職業繼續教育學分課程。
- （五）專科以上學校職業繼續教育學分課程。

六、空中大學肄業全修生，修得三十六學分者，得報考性質相近學系二年級，修得七十二學分者，得報考性質相近學系三年級。

2. 具下列資格之一者，得報考大學二年制學士班轉學考試，轉入一年級下學期：

- 一、大學學士班（不包括空中大學）肄業學生，修滿三年級上學期，持有修業證明書、轉學證明書或休學證明書，並檢附歷年成績單。
- 二、大學二年制學士班肄業學生，修業累計滿一個學期者，持有修業證明書、轉學證明書或休學證明書，並檢附歷年成績單。

3. 具下列資格之一者，得報考學士後學士班轉學考試，轉入二年級：

- 一、取得碩士以上學位。
- 二、取得學士學位後，並修習下列不同科目課程達二十學分以上，持有學分證明：
 - （一）大學或空中大學之大學程度學分課程。
 - （二）專科以上學校推廣教育學分班課程。
 - （三）教育部認可之非正規教育課程。
 - （四）職業訓練機構開設經教育部認可之專科以上教育階段職業繼續教育學分課程。
 - （五）專科以上學校職業繼續教育學分課程。

4. 依藝術教育法實施一貫制學制肄業學生，持有修業證明者，依其修業情形屬大學學士班或五年制專科學校，準用第一項第一款、第三款及第二項第一款規定。

5. 專科以上學校推廣教育實施辦法中華民國一百年七月十三日修正施行後，至一百零二年六月十三日前，已修習第一項第五款第二目所定課程學分者，不受二十二歲年齡限制。

6. 轉學考生報考第一項及第二項轉學考試，依原就讀學校及擬報考學校之雙重學籍規定，擬於轉學錄取時選擇同時就讀者，得僅檢附歷年成績單。

第 5 條

具下列資格之一者，得以同等學力報考大學碩士班一年級新生入學考試：

- 一、在學士班肄業，僅未修滿規定修業年限最後一年，因故退學或休學，自規定修業年限最後一年之始日起算已滿二年，持有修業證明書或休學證明書，並檢附歷年成績單。
- 二、修滿學士班規定修業年限，因故未能畢業，自規定修業年限最後一年之末日起算已滿一年，持有修業證明書或休學證明書，並檢附歷年成績單。
- 三、在大學規定修業年限六年（包括實習）以上之學士班修滿四年課程，且已修畢畢業應修學分一百二十八學分以上。

四、取得專科學校畢業證書後，其為三年制者經離校二年以上；二年制或五年制者經離校三年以上；取得專科進修（補習）學校資格證明書、專科進修學校畢業證書或專科學校畢業程度學力鑑定通過證書者，比照二年制專科學校辦理。各校並得依實際需要，另增訂相關工作經驗、最低工作年資之規定。

五、下列國家考試及格，持有及格證書：

- （一）公務人員高等考試或一等、二等、三等特種考試及格。
- （二）專門職業及技術人員高等考試或相當等級之特種考試及格。

六、技能檢定合格，有下列資格之一，持有證書及證明文件：

- （一）取得甲級技術士證或相當於甲級之單一級技術士證後，從事相關工作經驗三年以上。
- （二）技能檢定職類以乙級為最高級別者，取得乙級技術士證或相當於乙級之單一級技術士證後，從事相關工作經驗五年以上。

第 6 條

曾於大學校院擔任專業技術人員、於專科學校或高級中等學校擔任專業及技術教師，經大學校級或聯合招生委員會審議通過，得以同等學力報考第二條、第三條及前條所定新生入學考試。

第 7 條

大學經教育部核可後，就專業領域具卓越成就表現者，經校級或聯合招生委員會審議通過，得准其以同等學力報考第二條、第三條及第五條所定新生入學考試。

第 8 條

1. 具下列資格之一者，得以同等學力報考大學博士班一年級新生入學考試：

- 一、碩士班學生修業滿二年且修畢畢業應修科目與學分（不包括論文），因故未能畢業，經退學或休學一年以上，持有修業證明書或休學證明書，及檢附歷年成績單，並提出相當於碩士論文水準之著作。
- 二、逕修讀博士學位學生修業期滿，未通過博士學位候選人資格考核或博士學位考試，持有修業證明書或休學證明書，及檢附歷年成績單，並提出相當於碩士論文水準之著作。
- 三、修業年限六年以上之學系畢業獲有學士學位，經有關專業訓練二年以上，並提出相當於碩士論文水準之著作。
- 四、大學畢業獲有學士學位，從事與所報考系所相關工作五年以上，並提出相當於碩士論文水準之著作。
- 五、下列國家考試及格，持有及格證書，且從事與所報考系所相關工作六年以上，並提出相當於碩士論文水準之著作：

- （一）公務人員高等考試或一等、二等、三等特種考試及格。
- （二）專門職業及技術人員高等考試或相當等級之特種考試及格。

2. 前項各款相當於碩士論文水準之著作，由各大學自行認定；其藝術類或應用科技類相當於碩士論文水準之著作，得以創作、展演連同書面報告或以技術報告代替。

3. 第一項第三款所定有關專業訓練及第四款、第五款所定與所報考系所相關工作，由學校自行認定。

第 9 條

1. 持國外或香港、澳門高級中等學校學歷，符合大學辦理國外學歷採認辦法或香港澳門學歷檢

覈及採認辦法規定者，得準用第二條第一款規定辦理。

2. 畢業年級相當於國內高級中等學校二年級之國外或香港、澳門同級同類學校畢業生，得以同等學力報考大學學士班一年級新生入學考試。但大學應增加其畢業應修學分，或延長其修業年限。
3. 畢業年級高於相當國內高級中等學校之國外或香港、澳門同級同類學校肄業生，修滿相當於國內高級中等學校修業年限以下年級者，得準用第二條第一款規定辦理。
4. 持國外或香港、澳門學士學位，符合大學辦理國外學歷採認辦法或香港澳門學歷檢覈及採認辦法規定者，得準用前條第一項第三款及第四款規定辦理。
5. 持國外或香港、澳門專科以上學校畢（肄）業學歷，其畢（肄）業學校經教育部列入參考名冊或為當地國政府權責機關或專業評鑑團體所認可，且入學資格、修業年限及修習課程均與我國同級同類學校規定相當，並經大學校級或聯合招生委員會審議後認定為相當國內同級同類學校修業年級者，得準用第二條第二款、第三條第一項第一款至第四款、第四條第一項第一款至第三款、第二項與第三項第一款、第五條第一款至第四款及前條第一項第一款與第二款規定辦理。
6. 持前項香港、澳門學校副學士學位證書及歷年成績單，或高級文憑及歷年成績單，得以同等學力報考科技大學、技術學院二年制學士班一年級新生入學考試。
7. 第五項、前項、第十項及第十二項所定國外或香港、澳門學歷（力）證件、成績單或相關證明文件，應經我國駐外機構，或行政院在香港、澳門設立或指定機構驗證。
8. 臺灣地區與大陸地區人民關係條例中華民國八十一年九月十八日公布生效後，臺灣地區人民、經許可進入臺灣地區團聚、依親居留、長期居留或定居之大陸地區人民、外國人、香港或澳門居民，持大陸地區專科以上學校畢（肄）業學歷，且符合下列各款資格者，得準用第二條第二款、第三條第一項第一款至第四款、第五條第一款至第四款及前條第一項第一款與第二款規定辦理：
 - 一、其畢（肄）業學校經教育部列入認可名冊，且無大陸地區學歷採認辦法第八條不予採認之情形。
 - 二、其入學資格、修業年限及修習課程，均與臺灣地區同級同類學校規定相當，並經各大學招生委員會審議後認定為相當臺灣地區同級同類學校修業年級。
9. 持大陸地區專科以上學校畢（肄）業學歷，符合大陸地區學歷採認辦法規定者，得準用第四條第一項第一款至第三款、第二項及第三項第一款規定辦理。
10. 持國外或香港、澳門學士學位，其畢業學校經教育部列入參考名冊或為當地國政府權責機關或專業評鑑團體所認可，且入學資格、修業年限及修習課程均與我國同級同類學校規定相當，並經大學校級或聯合招生委員會審議後認定為相當國內同級同類學校修業年級者，或持大陸地區學士學位，符合大陸地區學歷採認辦法規定者，修習第四條第三項第二款之不同科目課程達二十學分以上，持有學分證明，得報考學士後學士班轉學考試，轉入二年級。
11. 持前三項大陸地區專科以上學校畢（肄）業學歷報考者，其相關學歷證件及成績證明，應準用大陸地區學歷採認辦法第四條規定辦理。
12. 持國外或香港、澳門相當於高級中等學校程度成績單、學歷（力）證件，及經當地政府教育

主管機關證明得於當地報考大學之證明文件，並經大學校級或聯合招生委員會審議通過者，得以 23 同等學力報考大學學士班（不包括二年制學士班）一年級新生入學考試。但大學得視其於國外或香港、澳門之修業情形，增加其畢業應修學分或延長其修業年限。

第 10 條

軍警校院學歷，依教育部核准比敘之規定辦理。

第 11 條

本標準所定年數起迄計算方式，除下列情形者外，自規定起算日，計算至報考當學年度註冊截止日為止：

一、離校或休學年數之計算：自歷年成績單、修業證明書、轉學證明書或休學證明書所載最後修滿學期之末日，起算至報考當學年度註冊截止日為止。

二、專業訓練及從事相關工作年數之計算：以專業訓練或相關工作之證明上所載開始日期，起算至報考當學年度註冊截止日為止。

第 12 條

本標準自發布日施行。

Standards for Recognition of Equivalent Educational Levels for University Admission

Amended by Ministry of Education on January 25, 2022

Article 1

These Standards are enacted pursuant to the provisions of Article 23, Paragraph 4 of the University Act.

Article 2

A person who satisfies any of the following eligibility criteria is considered to have adequate academic ability and may take the entrance examination for new students for university bachelor's degree programs (not including two-year bachelor's degree programs):

1. The student has not completed senior secondary school or a college of continuing education program but is in one of the following categories:
 - (1) The student completed all but the final year of the prescribed program but for some reason took leave or withdrew from their studies, or had to repeat a grade for two years or more, and is able to provide a transcript of their results for all academic years that was issued by the school or college, or is able to provide a certificate of attendance, a transfer certificate, or a leave from studies certificate, each with such a transcript attached; or
 - (2) The student completed the first semester of the final year of the prescribed program but for some reason took leave or withdrew from their studies for one year or more and is able to provide a transcript of their results for all academic years that was issued by the school or college, or is able to provide a certificate of attendance, transfer certificate, or leave from studies certificate, each with such a transcript attached; or
 - (3) The student completed the prescribed program but for some reason was unable to graduate, and has a school-issued transcript of their results for all academic years, or is able to provide a certificate of attendance, transfer certificate, or leave from studies certificate, each with such a transcript attached.
2. The student has not completed a five-year junior college or college of continuing education program but is in one of the following categories:
 - (1) The student completed the second semester of the third year of their course but for some reason took leave or withdrew from their studies for one year or more, and is able to provide a certificate of attendance, transfer certificate, or a leave from studies certificate, each with a transcript of their results for all academic years attached; or
 - (2) The student for some reason took leave or withdrew from their studies during their fourth or fifth year of study, or completed the prescribed program but for some reason was unable to graduate, and is able to provide a certificate of attendance, transfer certificate, or a leave from studies certificate, each with a transcript of their results for all academic years attached.
3. For a student who undertook but did not complete a comprehensive educational program implemented in accordance with the Arts Education Act but is able to provide a certificate of attendance, one of the two preceding subparagraphs apply, mutatis mutandis, depending on whether they undertook a senior secondary school or five-year junior college program.
4. The student completed three years of a senior secondary school and vocational continuing (supplementary) education, or practical skills (extension education class) program and is able to provide a course completion certificate.

5. The student passed the Self-study Academic Ability Assessment Examination and is able to provide a certificate attesting that their academic ability is equivalent to that of a graduate of a general senior high school, skills-based senior high school, or junior college.
6. The student passed the Academic Achievement Assessment Examination for educated young soldiers and is able to provide a certificate attesting that their academic ability is equivalent to senior secondary school level.
7. The student passed the Academic Achievement Assessment Examination for veterans and is able to provide a certificate attesting that their academic ability is equivalent to senior secondary school level.
8. The student passed a supplementary education for active military service personnel examination and is able to provide a certificate attesting that their academic ability is equivalent to senior secondary school level.
9. The student passed any of the following national examinations and has been awarded a certificate for the examination(s) which they have passed:
 - (1)Senior Civil Service Examination, Ordinary Level Civil Service Examination; or Level One, Level Two, Level Three, or Level Four Special Civil Service Examination;
 - (2)Senior Professional and Technical Personnel Examination, Ordinary Level Professional and Technical Personnel Examination; or a Special Examination of an equivalent level.
10. The student is able to provide a document from a senior secondary school in Mainland China certifying that they have not yet completed the program and satisfies the provisions of the Regulations Regarding the Assessment and Recognition of Academic Credentials from the Mainland Area, and their circumstances are one of those stipulated in Subparagraph 1.
11. The student is able to provide a certificate and documentary evidence attesting that they have passed one of the following professional skill assessment tests:
 - (1)The student has been awarded a Level C certified technician's certificate, or a single-class certified technician's certificate equivalent to Level C, and since then has had five or more years of related practical work experience; or
 - (2)The student has been awarded a Level B certified technician's certificate, or single-class certified technician's certificate equivalent to Level B, and since then has had two or more years of related practical work experience; or
 - (3)The person has been awarded a Level A certified technician's certificate, or single-class certified technician's certificate equivalent to Level A.
12. The student is aged at least 22 and is able to provide documentary evidence that they have accumulated a total of 40 or more credits studying different courses of the sort listed below:
 - (1) Continuing education credit courses offered by a junior college, tertiary college, or university; or
 - (2) Non-formal education programs accredited by the Ministry of Education; or
 - (3)Non-degree programs (not including continuing education programs) for non-degree students offered by open universities; or
 - (4)Vocational continuing education credit courses at the junior college, tertiary college, or university education level offered by a vocational training institute which have been accredited by the Ministry of Education; or
 - (5)Vocational continuing education credit courses offered by a junior college, tertiary college, or university.

13. The student is aged at least 18 and is able to provide documentary evidence that they have accumulated a total of 150 or more credits studying different courses of the sort listed below:
 - (1) Vocational continuing education credit courses at the senior secondary education level offered by a vocational training institute which have been accredited by the competent school authority; or
 - (2) Vocational continuing education credit courses offered by a senior secondary school.
14. The student is able to provide documentary evidence that they have earned 40 or more credits studying as a non-degree student at an open university (not including continuing education programs) and had satisfactory results.
15. The student who has had non-school-based experimental education and meets one of the following eligibility criteria:
 - (1) The student meets the criteria stipulated in Article 30, Paragraph 2 of the Statute for Implementing Non-school-based Experimental Education at the Stage of Senior High School or Lower Level.
 - (2) The student completed at least one year and six months of non-school-based experimental education at senior secondary school level and also studied at a five-year junior college, for a total period of at least three years including the experimental education period.

Article 3

A person who meets any of the following eligibility criteria is considered to have adequate scholastic ability and may take the entrance examination for new-students for two-year bachelor's degree programs:

1. The student has not completed a two-year college program or a college of continuing education program but is in one of the following categories:
 - (1) The student completed the first semester of the final year of the prescribed program but for some reason took leave or withdrew from their studies for two years or more, and the student is able to provide a certificate of attendance, transfer certificate, or leave from studies certificate, each with a transcript of their results for all academic years attached; or
 - (2) The student for some reason took leave or withdrew from their studies for one year or more during the second semester of the final year of the prescribed program but is able to provide a certificate of attendance, transfer certificate, or leave from studies certificate, with a transcript of their results for all academic years attached; or
 - (3) The student completed the prescribed program and received 80 or more of the credits required for graduation but for some reason was not able to graduate, and is able to provide a certificate of attendance, transfer certificate, or leave from studies certificate, each with a transcript of their results for all academic years attached.
2. A student who has not completed a three-year junior college program or a college of continuing education program but is in one of the following categories:
 - (1) The student completed all but the final year of the prescribed program but for some reason took leave or withdrew from their studies for three years or more and is able to provide a certificate of attendance, transfer certificate, or leave from studies certificate, each with a transcript of their results for all academic years attached; or
 - (2) The student completed the first semester of the final year of the prescribed program but for some reason took leave or withdrew from their studies for two years or more, and the student is able to provide a certificate of attendance, transfer certificate, or leave from studies certificate, each with a transcript of their results for all academic years attached; or

- (3) The student for some reason took leave or withdrew from their studies for one year or more during the second semester of the final year of the prescribed program and is able to provide a certificate of attendance, transfer certificate, or leave from studies certificate, each with a transcript of their results for all academic years attached.
3. A student who has not completed a five-year junior college program or a college of continuing education program but is in one of the following categories:
 - (1) The student completed all but the final year of the prescribed program but for some reason took leave or withdrew from their studies for three years or more, and the student is able to provide a certificate of attendance, transfer certificate, or leave from studies certificate, each with a transcript of their results for all academic years attached; or
 - (2) The student completed the first semester of the final year of the prescribed program but for some reason took leave or withdrew from their studies for two years or more and is able to provide a certificate of attendance, transfer certificate, or leave from studies certificate, each a transcript of their results for all academic years attached; or
 - (3) The student for some reason took leave or withdrew from their studies for one year or more during the second semester of the final year of the prescribed program and is able to provide a certificate of attendance, transfer certificate, or leave from studies certificate, each with a transcript of their results for all academic years attached; or
 - (4) The student completed the prescribed program and received 220 or more of the credits required for graduation but for some reason was not able to graduate and is able to provide a certificate of attendance, transfer certificate, or leave from studies certificate, each with a transcript of their results for all academic years attached.
4. The student has not completed a university bachelor's degree program but completed the second semester of the second year (not including programs at an open university), and is able to provide a certificate of attendance, transfer certificate, or leave from studies certificate, each with a transcript of their results for all academic years attached.
5. The person has passed the Self-study Academic Ability Assessment Examination and is able to provide a certificate attesting that their academic ability is equivalent to junior college level.
6. The student has passed any of the following national examinations and has been awarded a certificate for the examination(s) which they have passed:
 - (1) Senior Civil Service Examination; or Level One, Level Two, or Level Three Special Civil Service Examination; or
 - (2) Senior Professional and Technical Personnel Examination; or a Special Examination of an equivalent level.
7. The person is able to provide a certificate and documentary evidence attesting that they have passed one of the following professional skill assessment tests:
 - (1) The person has obtained a Level B certified technician's certificate, or single-class certified technician's certificate equivalent to Level B, and since then has had four or more years of related practical work experience; or
 - (2) The person has obtained a Level A certified technician's certificate, or a single-class certified technician's certificate equivalent to Level A, and since then has had two or more years of related practical work experience.

8. The person is aged at least 22 years; or graduated from senior secondary school (or completed senior secondary school education); or completed the prescribed program length of study at a senior secondary school; and is also able to provide documentary evidence that they have accumulated a total of 80 credits or more, studying different courses of the sort listed below:
 - (1) University level credit courses at a university or an open university; or
 - (2) Continuing education credit courses at a junior college, tertiary college, or university; or
 - (3) Non-formal education programs accredited by the Ministry of Education; or
 - (4) Vocational continuing education credit courses at the junior college, tertiary college, or university education level offered by a vocational training institute which have been accredited by the Ministry of Education; or
 - (5) Vocational continuing education credit courses offered by a junior college, tertiary college, or university.
9. A person who has worked in a related field for five years or more after obtaining their senior secondary school diploma, and been reviewed and given approval by a particular university's admission committee or a joint admission committee.
10. For a student who undertook but did not complete a comprehensive educational program implemented in accordance with the Arts Education Act and is able to provide a certificate of attendance, the provisions of Subparagraphs 3 and 4 shall apply, *mutatis mutandis*, depending on whether the student undertook a five-year junior college or a university bachelor's degree program.

A student who obtained the course credits stipulated in Subparagraph 8 Item (2) of the preceding paragraph after the revised Continuing Education Regulations for Junior Colleges and Universities took effect on July 13, 2011 and before these Standards were revised and came into effect on January 24, 2013 is not subject to the age limit of 22 years.

Article 4

A person who satisfies any of the following eligibility criteria is considered to have equivalent scholastic ability and may take an examination to transfer into the second or third year of a university bachelor's degree program (not including two-year bachelor's degree programs), as appropriate:

1. The student has not completed a bachelor's degree program and is in one of the following categories, and is able to provide a certificate of attendance, transfer certificate, or leave-from-studies certificate, each with a transcript of their results for all academic years attached:
 - (1) A transferring student whose completed studies accumulated together add up to two or more semesters may transfer into the first semester of the second year.
 - (2) A transferring student whose completed studies add up to three or more semesters may transfer into the second semester of the second year.
 - (3) A transferring student whose completed studies accumulated together add up to four or more semesters may transfer into the first semester of the third year.
 - (4) A transferring student whose completed studies add up to five or more semesters may transfer into the second semester of the third year.
2. The student has not completed a two-year bachelor's degree program but completed the first semester of the first year of the program and is able to provide a certificate of attendance, transfer certificate, or leave-from-studies certificate, each with a transcript of their results for all academic years attached.
3. A junior college student in one of the following categories:

- (1) The student has been awarded a junior college diploma or graduated from a vocational training program;
or
- (2) The student studied for the prescribed number of years but did not complete the prescribed program, and is able to provide a certificate of attendance, transfer certificate, or leave-from-studies certificate, together with a transcript of their results for all academic years attached.
4. The person passed the Self-study Academic Ability Assessment Examination and is able to provide a certificate attesting that their academic ability is equivalent to junior college level.
5. The person is aged at least 22 years; or graduated from senior secondary school (or completed senior secondary school education); or completed the prescribed program length of study at a senior secondary school; and is also able to provide documentary evidence that they have accumulated a total of 80 credits or more, studying different courses of the sort listed below:
 - (1) University level credit courses at a university or an open university; or
 - (2) Continuing education credit courses at a junior college, tertiary college, or university; or
 - (3) Non-formal education programs accredited by the Ministry of Education; or
 - (4) Vocational continuing education credit courses at the junior college, tertiary college, or university education level offered by a vocational training institute which have been accredited by the Ministry of Education; or
 - (5) Vocational continuing education credit courses offered by a junior college, tertiary college, or university.
6. A fulltime student at an open university who has not completed their program but has completed 36 credits may take an entrance examination to begin studying at the second-year level of a program in a university department of a similar nature to the open university department they were formerly studying in; a fulltime student at an open university who has not completed their program but has completed 72 credits may take an entrance examination to begin studying at the third-year level of a program in a university department of a similar nature.

A student who satisfies one of the following criteria may take an examination to transfer into a two-year bachelor's degree program, and if they are admitted, they may transfer into the second semester of the first year of the university program:

1. The student did not complete a bachelor's degree program at a university (not including an open university) but completed first semester of third year of the program and is able to provide a certificate of attendance, transfer certificate, or leave-from-studies certificate, each with a transcript of their results for all academic years attached; or
2. The student did not complete a two-year bachelor's degree program but their completed studies accumulated together add up to one semester and the student is able to provide a certificate of attendance, transfer certificate, or leave-from-studies certificate, each with a transcript of their results for all academic years attached.

A person who satisfies one of the following criteria may take an examination to transfer into a post-baccalaureate bachelor's degree program, and if they are admitted they may transfer into the second year of the program:

1. The student has a master's degree or a doctorate; or
2. The student is able to provide documentary evidence that they accumulated a total of 20 credits or more studying different courses of the sort listed below, after obtaining a bachelor's degree:

- (1) University level credit courses at a university or an open university; or
- (2) Continuing education credit courses at a junior college, tertiary college, or university; or
- (3) Non-formal education programs accredited by the Ministry of Education; or
- (4) Vocational continuing education credit courses at the junior college, tertiary college, or university education level offered by a vocational training institute which have been accredited by the Ministry of Education; or
- (5) Vocational continuing education credit courses offered by a junior college, tertiary college, or university.

If a student undertook but did not complete a comprehensive educational program implemented in accordance with the Arts Education Act and they are able to provide a certificate of attendance, the provisions of Paragraph 1, Subparagraphs 1 and 3, and Paragraph 2, Subparagraph 1 apply, *mutatis mutandis*, depending on whether the student was formerly undertaking a five-year junior college or a university bachelor's degree program.

A student who earned the course credits stipulated in Paragraph 1, Subparagraph 5, Item (2) after the promulgation of the revised Continuing Education Regulations for Junior Colleges and Universities on July 13, 2011 and before June 13, 2013 is not subject to the age limit of 22 years.

A transferring student who is taking the transfer examination(s) referred to in Paragraph 1 and/or Paragraph 2 and who, if admitted, plans to enroll in courses at both their former college or university and at the one that they are transferring into, in accordance with the regulations of each of the educational institutions governing dual enrollments, may provide just a transcript of their results for all academic years.

Article 5

A person who satisfies any of the following eligibility criteria is considered to have adequate scholastic ability and may take the entrance examination for new students for the first year of master's degree programs:

1. A university student in a bachelor's degree program completed all but the final year of the prescribed program, but for some reason took leave or withdrew from their studies for at least two years since the first day of their final year of the prescribed program, and is able to provide a certificate of attendance, or a leave from studies certificate, each with a transcript of their results for all academic years attached;
2. A university student completed the prescribed bachelor's degree program but for some reason was not able to graduate, at least one full year before the last day of their final year of the prescribed program, and is able to provide a certificate of attendance, or a leave from studies certificate, each with a transcript of their results for all academic years attached;
3. The university student completed four years of a bachelor's degree program of six years or more (including practical training), and received at least 128 of the credits required for graduation;
4. A person who was awarded a junior college diploma, at least two years previously after graduating from a three-year course; or at least three years previously after graduating from a two-year or five-year course; a person who was awarded a qualification certificate from a college of continuing (supplementary) education; or a college of continuing education graduation diploma, and is able to provide a certificate attesting that their academic ability is equivalent to junior college level is to be dealt with in the same way as a person who attended a two-year junior college. Each college or university may also set additional regulations stipulating related work experience and the minimum number of such years worked, based on actual requirements.

5. The person has passed one of the following national examinations and is able to provide a certificate attesting this:
 - (1)Senior Civil Service Examination; or Level One, Level Two, or Level Three Special Civil Service Examination;
 - (2)Senior Professional and Technical Personnel Examination; or a Special Examination of an equivalent level;
6. The person is able to provide a certificate attesting that they have passed one of the following professional skill assessment tests:
 - (1)The person has obtained a Level A certified technician's certificate, or single-class certified technician's certificate equivalent to Level A, and has three or more years of related practical work experience; or
 - (2)Level B is the highest qualification available in their skill area and the person has obtained a certified technician's certificate, or a single-class certified technician's certificate equivalent to Level B, and has five or more years of related practical work experience.

Article 6

A person who has been employed as a professional technician at a university or tertiary college, or as a teacher of professional or technical subject(s) at a junior college or senior secondary school who has been reviewed and given approval by a particular university's admission committee or by a joint admission committee will be considered to have an adequate scholastic ability and may take the entrance examinations for new students referred to in Article 2, Article 3, or the previous article, as appropriate.

Article 7

A person who has exceptional achievements in their professional field, and has received approval from the Ministry of Education, and been reviewed and given approval by a particular university's admission committee or by a joint admission committee will be considered to have an adequate scholastic ability and may take the entrance examinations for new students referred to in Article 2, Article 3, and Article 5, as appropriate.

Article 8

A person who satisfies any of the following eligibility criteria is considered to have an equivalent level of education and may take the entrance examination for new-students for the first year of a doctorate program:

1. The person has completed two years of a master's degree program and all the prescribed program subjects and received the required credits (not including a thesis) but for some reason was not able to graduate and for some reason took leave or withdrew from their studies for one year or more, and is able to provide a certificate of attendance, or leave from studies certificate, each with a transcript of their results for all academic years attached, and submits an example of their written work with the quality of a master's thesis;
2. The person has completed a doctorate program but did not pass the doctorate degree candidate qualification examination or doctorate degree examination and is able to provide a certificate of attendance, or leave from studies certificate, each with a transcript of their results for all academic years attached, and submits an example of their written work with the quality of a master's thesis;
3. The person has been awarded a bachelor's degree in a department that requires six or more years of study, has received two or more years of professional training, and submits an example of their written work with the quality of a master's thesis;

4. The person has graduated from a university and has a bachelor's degree, has five or more years of practical experience related to their field of study, and submits an example of their written work with the quality of a master's thesis; or
5. The person has passed any of the following national examinations and is able to provide a certificate attesting this, has six or more years of practical experience related to their field of study, and submits an example of their written work with the quality of a master's thesis:
 - (1) Senior Civil Service Examination; or Level One, Level Two, or Level Three Special Civil Service Examination;
 - (2) Senior Professional and Technical Personnel Examination; or a Special Examination of an equivalent level;

The example of their written work with the quality of a master's thesis referred to in each subparagraph of the paragraph above shall be independently assessed by the university involved. An example of their creative work such as an exhibition or performance with a written report, or a technical report relating to their work in an applied technologies field may be submitted in place of an example of written work with the quality of a master's thesis.

The professional training referred to in Paragraph 1, Subparagraph 3, and the practical experience related to the individual's field of study referred to in Paragraph 1, Subparagraphs 4 and 5 shall be independently assessed by the university involved.

Article 9

The provisions of Article 2, Subparagraph 1 may also be applied, *mutatis mutandis*, for a person who received secondary school education in a foreign country, or Hong Kong, or Macao and satisfies the provisions of the Regulations Regarding the Assessment and Recognition of Foreign Academic Credentials for Institutions of Higher Education, or those of the Regulations Regarding the Assessment and Recognition of Academic Credentials for the Hong Kong and Macao Areas.

A student who graduated in a foreign country, Hong Kong, or Macao from a senior secondary school whose graduating year is academically equivalent to the second grade of a senior secondary school in Taiwan of a comparable academic level and nature is considered to have adequate academic ability and may take the entrance examination for new students for university bachelor's degree programs. However, the university shall increase the number of credits required for such students to graduate or extend the prescribed length of their program.

The provisions of Article 2, Subparagraph 1 may also apply, *mutatis mutandis*, to a student who attended a school in a foreign country, Hong Kong, or Macao of a comparable academic level and nature to senior secondary schools in Taiwan, but which requires more years of study to complete than senior secondary schools in Taiwan do, and who did not complete their secondary studies there but completed grades/years of study equivalent to particular grades/years of the prescribed senior secondary school program in Taiwan.

The provisions of Paragraph 1, Subparagraphs 3 and 4 of the preceding article may also apply, *mutatis mutandis*, to a person who was awarded a bachelor's degree in a foreign country, Hong Kong, or Macao and satisfies the provisions of the Regulations Regarding the Assessment and Recognition of Foreign Academic Credentials for Institutions of Higher Education, or those of the Regulations Regarding the Assessment and Recognition of Academic Credentials for the Hong Kong and Macao Areas.

The provisions of Article 2, Subparagraph 2; Article 3, Paragraph 1, Subparagraphs 1 to 4; Article 4, Paragraph 1, Subparagraphs 1 to 3, Paragraph 2, and Paragraph 3, Subparagraph 1; Article 5, Subparagraphs 1 to 4; and

Paragraph 1, Subparagraphs 1 and 2 of the preceding article may also apply, *mutatis mutandis*, for a student with an academic record of graduating from (or not yet completing a program at) a junior college or higher level educational institution in a foreign country, Hong Kong, or Macao which is included in the Ministry of Education List of Recognized Higher Education Institutions or which has been accredited by an organization authorized by the government where it is located, or by a professional accreditation body, if the educational institution's enrollment eligibility criteria, length of prescribed programs, and curricula are all equivalent to those specified in regulations governing educational institutions of the same level and nature in Taiwan, and the educational standard of its students has been reviewed by the admission committee of a particular university or by a joint admission committee and been determined to be equivalent to that provided by an educational institution of the same level and nature in Taiwan.

A person who was awarded an associate degree and was issued a transcript of their results for all academic years, or was issued an advanced diploma and a transcript of their results for all academic years by such an educational institution in Hong Kong or Macao as referred to in the previous paragraph, is considered to have adequate academic ability and may take the entrance examination for new students for the first year of two-year bachelor's degree programs at a university of science and technology, or an institute of technology.

The academic credentials, records of academic performance (ability), and transcripts of results, or related documentary evidence issued in a foreign country, Hong Kong, or Macao referred to in Paragraph 5, the previous paragraph, Paragraph 10, and/or Paragraph 12 shall each be examined and verified by an overseas representative office of the ROC, or by an agency in Hong Kong or Macao established or designated by the ROC Executive Yuan.

Since the Act Governing Relations between Peoples of Taiwan Area and Mainland Area was promulgated and took effect on September 18, 1992, the provisions of Article 2, Subparagraph 2; Article 3, Paragraph 1, Subparagraphs 1 to 4; Article 5, Subparagraphs 1 to 4; and of Paragraph 1, Subparagraphs 1 and 2 of the preceding Article may also be applied, *mutatis mutandis*, to people from the Taiwan Area, and people from the Mainland China area, foreigners, or residents of Hong Kong or Macao who have been given permission to enter Taiwan for family reunification, as relative-sponsored residents, for long-term residence, or settlement who have an academic record of graduating from (or did not complete the program at) a junior college or higher level educational institution in Mainland China which meets the following criteria:

1. The educational institution is included in the Ministry of Education List of Recognized Higher Education Institutions in Mainland China and does not have any of the precluding characteristics set out in the provisions of Article 8 of the Regulations Regarding the Assessment and Recognition of Academic Credentials from the Mainland Area.
2. The educational institution's enrollment eligibility criteria, length of prescribed programs, and curricula are all equivalent to those specified in regulations governing educational institutions of the same level and nature in Taiwan, and the educational program(s) provided must have been reviewed and determined by the Admission Committee of a university in Taiwan to be equivalent to those provided by an educational institution of the same level and nature in Taiwan.

The provisions of Article 4, Paragraph 1, Subparagraphs 1 to 3; Paragraph 2; and Paragraph 3, Subparagraph 1 may also be applied, *mutatis mutandis*, to a person who graduated from (or did not complete the program at) a junior college or higher level educational institution in the Mainland China area and satisfies the provisions of the Regulations Regarding the Assessment and Recognition of Academic Credentials from the Mainland Area.

If a person has a bachelor's degree awarded in a foreign country, Hong Kong, or Macao and has academic records of graduating from (or not yet completing a program at) a higher educational institution in a foreign country, Hong Kong, or Macao which is included in the Ministry of Education List of Recognized Higher Education Institutions, or which has been accredited by an organization authorized by the government where it is located, or by a professional accreditation body, and if that educational institution's enrollment eligibility criteria, length of prescribed programs, and curricula are all equivalent to those specified in regulations governing educational institutions of the same level and nature in Taiwan, and the educational standard of its students has been reviewed by the admission committee of a particular university or by a joint admission committee and been determined to be equivalent to that provided by an educational institution of the same level and nature in Taiwan; or if a person has a bachelor's degree awarded by a higher educational institution in the Mainland China Area and satisfies the provisions of the Regulations Regarding the Assessment and Recognition of Academic Credentials from the Mainland Area, and if the person is able to provide documentary evidence that they have accumulated a total of 20 credits or more studying different courses of the sort listed in the provisions of Article 4, Paragraph 3, Subparagraph 2, then the person may take an examination to transfer into a post-baccalaureate bachelor's degree program, and if they are admitted they may transfer into the second-year of the program.

The provisions of Article 4 of the Regulations Regarding the Assessment and Recognition of Academic Credentials from the Mainland Area shall be applied, *mutatis mutandis*, regarding the academic credentials and records referred to in the preceding three paragraphs if a person who graduated from (or did not complete the program at) a junior college or higher-level educational institution in the Mainland China area wants to take a university entrance examination.

If a person is able to provide transcripts of their results, and records of academic performance (ability) issued in a foreign country, Hong Kong, or Macao indicating that they have received an education equivalent to completing secondary school and is also able to provide documentary evidence that was issued by the competent education authority of the government in that location that the person may take the local entrance examination for new students for university bachelor's degree programs, and that documentary evidence has been reviewed and endorsed by the admission committee of a particular university or by a joint admission committee, then the person may take the entrance examination for new students for university bachelor's degree programs (not including two-year bachelor's degree programs). However, the university may, after taking into consideration a person's academic performance in a foreign country, Hong Kong, or Macao, increase the number of credits required for such a student to graduate or extend the prescribed length of their program or extend the prescribed length of their program.

Article 10

For a student who has studied at a military or police college or academy, the relevant authorized MOE regulations governing comparative educational levels apply.

Article 11

When some number of years is stipulated in these Standards, the period is calculated from the stipulated beginning date until the latest date on which students can enroll for the academic year for which the student took the entrance examination, with the exception of the two instances set out below:

1. To determine the number of years a person has discontinued or taken leave from formal study: count from the end-date of the last semester that the student completed, as recorded in the transcript of their results for

all academic years, certificate of attendance, or transfer certificate, until the latest date on which students can enroll for the academic year for which the student took the entrance examination.

2. To determine the number of years of professional training and related work: count from the starting date recorded on the professional training related certificate or on a certificate attesting the related work experience, to the latest date on which students can enroll for the academic year for which the student took the entrance examination.

Article 12

These Standards shall take effect from the date of promulgation.

Tiêu chuẩn công nhận trình độ giáo dục tương đương để xét tuyển đại học

Sửa đổi bởi Bộ Giáo dục vào ngày 25 tháng 1 năm 2022

Điều 1

Các Tiêu chuẩn này được ban hành theo quy định tại Khoản 4, Điều 23 của Luật Đại học.

Điều 2

Người đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây được coi là có đủ năng lực học tập và có thể tham gia kỳ thi tuyển sinh đại học hệ cử nhân (không bao gồm chương trình cử nhân hai năm):

1. Người chưa hoàn thành chương trình trung học phổ thông hoặc chương trình giáo dục thường xuyên tại các trường cao đẳng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau:
 - (1) Hoàn thành toàn bộ chương trình học, trừ năm cuối cùng, nhưng vì một số lý do đã bảo lưu hoặc thôi học, hoặc phải học lại hai năm trở lên, và có thể cung cấp bảng điểm của tất cả các năm học do trường cấp, hoặc có thể xuất trình giấy chứng nhận đã theo học, giấy chuyển trường hoặc giấy chứng nhận bảo lưu học tập kèm theo bảng điểm; hoặc
 - (2) Hoàn thành học kỳ đầu tiên của năm cuối cùng của chương trình học nhưng vì một số lý do đã bảo lưu hoặc thôi học từ một năm trở lên, và có thể cung cấp bảng điểm của tất cả các năm học do trường cấp, hoặc có thể xuất trình giấy chứng nhận đã theo học, giấy chuyển trường hoặc giấy chứng nhận bảo lưu học tập kèm theo bảng điểm; hoặc
 - (3) Hoàn thành chương trình học nhưng vì một số lý do không thể tốt nghiệp, và có thể cung cấp bảng điểm của tất cả các năm học do trường cấp, hoặc có thể xuất trình giấy chứng nhận đã theo học, giấy chuyển trường hoặc giấy chứng nhận bảo lưu học tập kèm theo bảng điểm.
2. Người chưa hoàn thành chương trình cao đẳng năm năm hoặc chương trình giáo dục thường xuyên tại các trường cao đẳng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau:
 - (1) Hoàn thành học kỳ hai của năm thứ ba của chương trình học nhưng vì một số lý do đã bảo lưu hoặc thôi học từ một năm trở lên, và có thể cung cấp giấy chứng nhận đã theo học, giấy chuyển trường hoặc giấy chứng nhận bảo lưu học tập kèm theo bảng điểm của tất cả các năm học; hoặc
 - (2) Vì một số lý do đã bảo lưu hoặc thôi học trong năm thứ tư hoặc năm thứ năm của chương trình học, hoặc đã hoàn thành chương trình học nhưng không thể tốt nghiệp, và có thể cung cấp giấy chứng nhận đã theo học, giấy chuyển trường hoặc giấy chứng nhận bảo lưu học tập kèm theo bảng điểm của tất cả các năm học.
3. Đối với người đã theo học nhưng chưa hoàn thành chương trình giáo dục tổng hợp theo quy định của Luật Giáo dục Nghệ thuật, nếu có thể cung cấp giấy chứng nhận đã theo học, thì sẽ áp dụng tương ứng theo một trong hai khoản trên, tùy thuộc vào việc họ theo học chương trình trung học phổ thông hay chương trình cao đẳng năm năm.
4. Người đã hoàn thành ba năm học tại trường trung học phổ thông và chương trình giáo dục bổ túc (giáo dục thường xuyên) hoặc chương trình đào tạo kỹ năng thực hành (lớp giáo dục mở rộng), và có thể cung cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa học.
5. Thí sinh đã vượt qua Kỳ thi Đánh giá Năng lực Học tập Tự học và có thể cung cấp giấy chứng nhận chứng minh năng lực học tập của mình tương đương với trình độ tốt nghiệp trung học phổ thông hệ giáo dục phổ thông, trung học phổ thông hướng nghiệp hoặc cao đẳng.
6. Thí sinh đã vượt qua Kỳ thi Đánh giá Thành tích Học tập dành cho quân nhân trẻ có học thức và có thể cung cấp giấy chứng nhận chứng minh năng lực học tập của mình tương đương với trình độ trung học phổ thông.

7. Thí sinh đã vượt qua Kỳ thi Đánh giá Thành tích Học tập dành cho cựu chiến binh và có thể cung cấp giấy chứng nhận chứng minh năng lực học tập của mình tương đương với trình độ trung học phổ thông.
8. Thí sinh đã vượt qua kỳ thi giáo dục bổ túc dành cho quân nhân tại ngũ và có thể cung cấp giấy chứng nhận chứng minh năng lực học tập của mình tương đương với trình độ trung học phổ thông.
9. Thí sinh đã vượt qua một trong các kỳ thi quốc gia sau đây và đã được cấp chứng chỉ cho kỳ thi mà họ đã vượt qua:
 - (1) Kỳ thi Công chức cấp cao, Kỳ thi Công chức thông thường, hoặc Kỳ thi Công chức đặc biệt cấp Một, cấp Hai, cấp Ba hoặc cấp Bốn;
 - (2) Kỳ thi Nhân viên Kỹ thuật và Chuyên môn cấp cao, Kỳ thi Nhân viên Kỹ thuật và Chuyên môn thông thường, hoặc một kỳ thi đặc biệt có cấp độ tương đương.
10. Thí sinh có thể cung cấp giấy chứng nhận từ một trường trung học phổ thông tại Trung Quốc đại lục xác nhận rằng họ chưa hoàn thành chương trình học và đáp ứng các quy định của "Quy định về Đánh giá và Công nhận Văn bằng Học thuật từ Khu vực Đại lục", đồng thời thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Tiết 1.
11. Thí sinh có thể cung cấp giấy chứng nhận và tài liệu chứng minh rằng họ đã vượt qua một trong các bài kiểm tra đánh giá kỹ năng nghề sau đây:
 - (1) Đã được cấp chứng chỉ kỹ thuật viên bậc C hoặc chứng chỉ kỹ thuật viên chuyên ngành đơn tương đương bậc C, và kể từ đó đã có ít nhất 5 năm kinh nghiệm làm việc thực tế liên quan; hoặc
 - (2) Đã được cấp chứng chỉ kỹ thuật viên bậc B hoặc chứng chỉ kỹ thuật viên chuyên ngành đơn tương đương bậc B, và kể từ đó đã có ít nhất 2 năm kinh nghiệm làm việc thực tế liên quan; hoặc
 - (3) Đã được cấp chứng chỉ kỹ thuật viên bậc A hoặc chứng chỉ kỹ thuật viên chuyên ngành đơn tương đương bậc A.
12. Thí sinh từ 22 tuổi trở lên và có thể cung cấp tài liệu chứng minh rằng họ đã tích lũy tổng cộng từ 40 tín chỉ trở lên khi theo học các khóa học thuộc một trong các loại sau đây:
 - (1) Các khóa học tín chỉ giáo dục thường xuyên do trường cao đẳng, đại học hoặc học viện cung cấp; hoặc
 - (2) Các chương trình giáo dục phi chính quy được Bộ Giáo dục công nhận; hoặc
 - (3) Các chương trình không cấp bằng (không bao gồm chương trình giáo dục thường xuyên) dành cho sinh viên không theo học chương trình cấp bằng do các trường đại học mở cung cấp; hoặc
 - (4) Các khóa học tín chỉ giáo dục thường xuyên hệ dạy nghề ở trình độ cao đẳng, đại học hoặc học viện do cơ sở đào tạo nghề cung cấp và được Bộ Giáo dục công nhận; hoặc
 - (5) Các khóa học tín chỉ giáo dục thường xuyên hệ dạy nghề do trường cao đẳng, đại học hoặc học viện cung cấp.
13. Thí sinh từ 18 tuổi trở lên và có thể cung cấp tài liệu chứng minh rằng họ đã tích lũy tổng cộng từ 150 tín chỉ trở lên khi theo học các khóa học thuộc một trong các loại sau đây:
 - (1) Các khóa học tín chỉ giáo dục thường xuyên hệ dạy nghề ở cấp trung học phổ thông do cơ sở đào tạo nghề cung cấp và được cơ quan quản lý giáo dục có thẩm quyền công nhận; hoặc
 - (2) Các khóa học tín chỉ giáo dục thường xuyên hệ dạy nghề do trường trung học phổ thông cung cấp.
14. Thí sinh có thể cung cấp tài liệu chứng minh rằng họ đã tích lũy được từ 40 tín chỉ trở lên khi theo học với tư cách là sinh viên không theo học chương trình cấp bằng tại một trường đại học mở (không bao gồm chương trình giáo dục thường xuyên) và đạt kết quả học tập đạt yêu cầu.
15. Thí sinh đã tham gia chương trình giáo dục thực nghiệm ngoài nhà trường và đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:
 - (1) Thí sinh đáp ứng các tiêu chí được quy định tại Khoản 2, Điều 30 của Luật Thực hiện Giáo dục Thực nghiệm Ngoài Nhà trường ở cấp Trung học Phổ thông hoặc thấp hơn; hoặc
 - (2) Thí sinh đã hoàn thành ít nhất một năm sáu tháng chương trình giáo dục thực nghiệm ngoài nhà trường ở cấp trung học phổ thông và đồng thời theo học chương trình cao đẳng 5 năm, với tổng thời gian học tập (bao gồm cả thời gian giáo dục thực nghiệm) ít nhất là ba năm.

Điều 3

Người đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây được xem là có đủ năng lực học thuật và có thể tham gia kỳ thi tuyển sinh dành cho sinh viên mới vào chương trình cử nhân hai năm:

1. Thí sinh chưa hoàn thành chương trình cao đẳng hai năm hoặc chương trình giáo dục thường xuyên của

các trường cao đẳng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau:

- (1) Đã hoàn thành học kỳ đầu tiên của năm cuối của chương trình học quy định nhưng vì lý do nào đó đã nghỉ học hoặc rút khỏi trường trong hai năm trở lên và có thể cung cấp giấy chứng nhận theo học, giấy chuyển trường hoặc giấy bảo lưu kết quả học tập, kèm theo bảng điểm của tất cả các năm học; hoặc
- (2) Vì lý do nào đó đã nghỉ học hoặc rút khỏi trường trong một năm trở lên trong học kỳ thứ hai của năm cuối của chương trình học quy định và có thể cung cấp giấy chứng nhận theo học, giấy chuyển trường hoặc giấy bảo lưu kết quả học tập, kèm theo bảng điểm của tất cả các năm học; hoặc
- (3) Đã hoàn thành chương trình học quy định và đạt được từ 80 tín chỉ trở lên trong số các tín chỉ yêu cầu để tốt nghiệp nhưng vì lý do nào đó không thể tốt nghiệp và có thể cung cấp giấy chứng nhận theo học, giấy chuyển trường hoặc giấy bảo lưu kết quả học tập, kèm theo bảng điểm của tất cả các năm học.

2. Thí sinh chưa hoàn thành chương trình cao đẳng ba năm hoặc chương trình giáo dục thường xuyên của các trường cao đẳng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau:

- (1) Đã hoàn thành toàn bộ chương trình học ngoại trừ năm cuối nhưng vì lý do nào đó đã nghỉ học hoặc rút khỏi trường trong ba năm trở lên và có thể cung cấp giấy chứng nhận theo học, giấy chuyển trường hoặc giấy bảo lưu kết quả học tập, kèm theo bảng điểm của tất cả các năm học; hoặc
- (2) Đã hoàn thành học kỳ đầu tiên của năm cuối của chương trình học quy định nhưng vì lý do nào đó đã nghỉ học hoặc rút khỏi trường trong hai năm trở lên và có thể cung cấp giấy chứng nhận theo học, giấy chuyển trường hoặc giấy bảo lưu kết quả học tập, kèm theo bảng điểm của tất cả các năm học; hoặc
- (3) Vì lý do nào đó đã nghỉ học hoặc rút khỏi trường trong một năm trở lên trong học kỳ thứ hai của năm cuối của chương trình học quy định và có thể cung cấp giấy chứng nhận theo học, giấy chuyển trường hoặc giấy bảo lưu kết quả học tập, kèm theo bảng điểm của tất cả các năm học.

3. Thí sinh chưa hoàn thành chương trình cao đẳng năm năm hoặc chương trình giáo dục thường xuyên của các trường cao đẳng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau:

- (1) Đã hoàn thành toàn bộ chương trình học ngoại trừ năm cuối nhưng vì lý do nào đó đã nghỉ học hoặc rút khỏi trường trong ba năm trở lên và có thể cung cấp giấy chứng nhận theo học, giấy chuyển trường hoặc giấy bảo lưu kết quả học tập, kèm theo bảng điểm của tất cả các năm học; hoặc
- (2) Đã hoàn thành học kỳ đầu tiên của năm cuối của chương trình học quy định nhưng vì lý do nào đó đã nghỉ học hoặc rút khỏi trường trong hai năm trở lên và có thể cung cấp giấy chứng nhận theo học, giấy chuyển trường hoặc giấy bảo lưu kết quả học tập, kèm theo bảng điểm của tất cả các năm học; hoặc
- (3) Vì lý do nào đó đã nghỉ học hoặc rút khỏi trường trong một năm trở lên trong học kỳ thứ hai của năm cuối của chương trình học quy định và có thể cung cấp giấy chứng nhận theo học, giấy chuyển trường hoặc giấy bảo lưu kết quả học tập, kèm theo bảng điểm của tất cả các năm học; hoặc
- (4) Đã hoàn thành chương trình học quy định và đạt được từ 220 tín chỉ trở lên trong số các tín chỉ yêu cầu để tốt nghiệp nhưng vì lý do nào đó không thể tốt nghiệp và có thể cung cấp giấy chứng nhận theo học, giấy chuyển trường hoặc giấy bảo lưu kết quả học tập, kèm theo bảng điểm của tất cả các năm học.

4. Thí sinh chưa hoàn thành chương trình cử nhân đại học nhưng đã hoàn thành học kỳ hai của năm thứ hai (không bao gồm các chương trình tại đại học mở) và có thể cung cấp giấy chứng nhận theo học, giấy chuyển trường hoặc giấy bảo lưu kết quả học tập, kèm theo bảng điểm của tất cả các năm học.

5. Thí sinh đã vượt qua Kỳ thi Đánh giá Năng lực Học tập Tự học và có thể cung cấp giấy chứng nhận chứng minh năng lực học tập của mình tương đương với trình độ cao đẳng.

6. Thí sinh đã vượt qua một trong các kỳ thi quốc gia sau đây và đã được cấp chứng chỉ cho kỳ thi mà họ đã vượt qua:

- (1) Kỳ thi Công chức cấp cao; hoặc Kỳ thi Công chức đặc biệt cấp Một, cấp Hai hoặc cấp Ba; hoặc
- (2) Kỳ thi Nhân viên Kỹ thuật và Chuyên môn cấp cao; hoặc một kỳ thi đặc biệt có cấp độ tương đương.

7. Thí sinh có thể cung cấp giấy chứng nhận và tài liệu chứng minh rằng họ đã vượt qua một trong các bài kiểm tra đánh giá kỹ năng nghề sau đây:

- (1) Đã được cấp chứng chỉ kỹ thuật viên bậc B hoặc chứng chỉ kỹ thuật viên chuyên ngành đơn tương đương bậc B, và kể từ đó đã có ít nhất 4 năm kinh nghiệm làm việc thực tế liên quan; hoặc
- (2) Đã được cấp chứng chỉ kỹ thuật viên bậc A hoặc chứng chỉ kỹ thuật viên chuyên ngành đơn tương đương bậc A, và kể từ đó đã có ít nhất 2 năm kinh nghiệm làm việc thực tế liên quan.

8. Người từ 22 tuổi trở lên; hoặc đã tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc hoàn thành chương trình giáo dục trung học phổ thông); hoặc đã hoàn thành thời gian học tập theo quy định tại trường trung học phổ thông; và có thể cung cấp tài liệu chứng minh đã tích lũy tổng cộng từ 80 tín chỉ trở lên bằng cách tham gia các khóa học thuộc một trong các loại sau đây:

- (1) Các khóa học tín chỉ bậc đại học tại một trường đại học hoặc đại học mở; hoặc
- (2) Các khóa học tín chỉ giáo dục thường xuyên tại một trường cao đẳng, học viện hoặc đại học; hoặc
- (3) Các chương trình giáo dục phi chính quy được Bộ Giáo dục công nhận; hoặc
- (4) Các khóa học tín chỉ giáo dục thường xuyên bậc trung cấp nghề, cao đẳng hoặc đại học do các viện đào tạo nghề cung cấp và được Bộ Giáo dục công nhận; hoặc
- (5) Các khóa học tín chỉ giáo dục thường xuyên nghề nghiệp do các trường cao đẳng, học viện hoặc đại học cung cấp.

9. Người đã làm việc trong một lĩnh vực liên quan từ năm năm trở lên sau khi nhận bằng tốt nghiệp trung học phổ thông và đã được hội đồng tuyển sinh của một trường đại học cụ thể hoặc hội đồng tuyển sinh chung xem xét và chấp thuận.

10. Đối với sinh viên đã tham gia nhưng chưa hoàn thành một chương trình giáo dục toàn diện được triển khai theo Đạo luật Giáo dục Nghệ thuật và có thể cung cấp giấy chứng nhận theo học, các quy định tại Tiểu mục 3 và 4 sẽ được áp dụng tương ứng, tùy theo việc sinh viên đã theo học chương trình cao đẳng năm năm hay chương trình cử nhân đại học.

Sinh viên đã tích lũy tín chỉ theo Tiểu mục 8 Khoản (2) của đoạn trước sau khi Quy định Giáo dục Thường xuyên sửa đổi dành cho Cao đẳng và Đại học có hiệu lực vào ngày 13 tháng 7 năm 2011 và trước khi Tiêu chuẩn này được sửa đổi và có hiệu lực vào ngày 24 tháng 1 năm 2013 thì không bị áp dụng giới hạn độ tuổi 22.

Điều 4

Người đáp ứng bất kỳ tiêu chí nào sau đây được xem là có năng lực học tập tương đương và có thể tham gia kỳ thi chuyển tiếp vào năm thứ hai hoặc năm thứ ba của chương trình cử nhân đại học (không bao gồm các chương trình cử nhân hệ hai năm), tùy trường hợp:

- 1. Sinh viên chưa hoàn thành chương trình cử nhân đại học và thuộc một trong các trường hợp sau, đồng thời có thể cung cấp giấy chứng nhận theo học, giấy chứng nhận chuyển trường hoặc giấy chứng nhận tạm dừng học, kèm theo bảng điểm của tất cả các năm học:
 - (1) Sinh viên chuyển trường đã tích lũy được từ hai học kỳ trở lên có thể chuyển tiếp vào học kỳ đầu của

năm thứ hai.

(2) Sinh viên chuyển trường đã tích lũy được từ ba học kỳ trở lên có thể chuyển tiếp vào học kỳ hai của năm thứ hai.

(3) Sinh viên chuyển trường đã tích lũy được từ bốn học kỳ trở lên có thể chuyển tiếp vào học kỳ đầu của năm thứ ba.

(4) Sinh viên chuyển trường đã tích lũy được từ năm học kỳ trở lên có thể chuyển tiếp vào học kỳ hai của năm thứ ba.

2. Sinh viên chưa hoàn thành chương trình cử nhân hệ hai năm nhưng đã hoàn thành học kỳ đầu tiên của năm thứ nhất và có thể cung cấp giấy chứng nhận theo học, giấy chứng nhận chuyển trường hoặc giấy chứng nhận tạm dừng học, kèm theo bảng điểm của tất cả các năm học.

3. Sinh viên cao đẳng thuộc một trong các trường hợp sau:

(1) Sinh viên đã nhận bằng tốt nghiệp cao đẳng hoặc tốt nghiệp chương trình đào tạo nghề; hoặc

(2) Sinh viên đã học đủ số năm theo quy định nhưng chưa hoàn thành chương trình, và có thể cung cấp giấy chứng nhận theo học, giấy chứng nhận chuyển trường hoặc giấy chứng nhận tạm dừng học, cùng với bảng điểm của tất cả các năm học.

4. Người đã vượt qua kỳ thi đánh giá học lực tự học và có thể cung cấp chứng nhận chứng minh năng lực học tập tương đương với trình độ cao đẳng.

5. Người từ 22 tuổi trở lên; hoặc đã tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc hoàn thành chương trình giáo dục trung học phổ thông); hoặc đã hoàn thành thời gian học tập theo quy định tại trường trung học phổ thông; và có thể cung cấp tài liệu chứng minh đã tích lũy tổng cộng từ 80 tín chỉ trở lên bằng cách tham gia các khóa học thuộc một trong các loại sau đây:

(1) Các khóa học tín chỉ bậc đại học tại một trường đại học hoặc đại học mở; hoặc

(2) Các khóa học tín chỉ giáo dục thường xuyên tại một trường cao đẳng, học viện hoặc đại học; hoặc

(3) Các chương trình giáo dục phi chính quy được Bộ Giáo dục công nhận; hoặc

(4) Các khóa học tín chỉ giáo dục thường xuyên bậc trung cấp nghề, cao đẳng hoặc đại học do các viện đào tạo nghề cung cấp và được Bộ Giáo dục công nhận; hoặc

(5) Các khóa học tín chỉ giáo dục thường xuyên nghề nghiệp do các trường cao đẳng, học viện hoặc đại học cung cấp.

6. Sinh viên chính quy tại một đại học mở chưa hoàn thành chương trình học nhưng đã tích lũy được 36 tín chỉ có thể tham gia kỳ thi tuyển sinh để bắt đầu học từ năm thứ hai của một chương trình đại học cùng chuyên ngành với ngành học trước đó tại đại học mở; sinh viên chính quy tại một đại học mở chưa hoàn thành chương trình học nhưng đã tích lũy được 72 tín chỉ có thể tham gia kỳ thi tuyển sinh để bắt đầu học từ năm thứ ba của một chương trình đại học cùng chuyên ngành.

Sinh viên đáp ứng một trong các tiêu chí sau có thể tham gia kỳ thi chuyển tiếp vào chương trình cử nhân hệ hai năm, và nếu trúng tuyển, có thể chuyển tiếp vào học kỳ hai của năm thứ nhất của chương trình đại học:

1. Sinh viên chưa hoàn thành chương trình cử nhân đại học tại một trường đại học (không bao gồm đại học mở) nhưng đã hoàn thành học kỳ đầu của năm thứ ba và có thể cung cấp giấy chứng nhận theo học, giấy chứng nhận chuyển trường hoặc giấy chứng nhận tạm dừng học, kèm theo bảng điểm của tất cả các năm học; hoặc

2. Sinh viên chưa hoàn thành chương trình cử nhân hệ hai năm nhưng đã tích lũy được ít nhất một học kỳ và có thể cung cấp giấy chứng nhận theo học, giấy chứng nhận chuyển trường hoặc giấy chứng nhận tạm dừng học, kèm theo bảng điểm của tất cả các năm học.

Người đáp ứng một trong các tiêu chí sau có thể tham gia kỳ thi chuyển tiếp vào chương trình cử nhân sau đại học, và nếu trúng tuyển, có thể chuyển tiếp vào năm thứ hai của chương trình:

1. Sinh viên có bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ; hoặc
2. Sinh viên có thể cung cấp tài liệu chứng minh đã tích lũy tổng cộng từ 20 tín chỉ trở lên bằng cách tham gia các khóa học thuộc một trong các loại sau đây, sau khi đã có bằng cử nhân:
 - (1) Các khóa học tín chỉ bậc đại học tại một trường đại học hoặc đại học mở;
 - (2) Các khóa học tín chỉ giáo dục thường xuyên tại một trường cao đẳng, học viện hoặc đại học; hoặc
 - (3) Các chương trình giáo dục phi chính quy được Bộ Giáo dục công nhận;
 - (4) Các khóa học tín chỉ giáo dục thường xuyên bậc trung cấp nghề, cao đẳng hoặc đại học do các viện đào tạo nghề cung cấp và được Bộ Giáo dục công nhận; hoặc
 - (5) Các khóa học tín chỉ giáo dục thường xuyên nghề nghiệp do các trường cao đẳng, học viện hoặc đại học cung cấp.

Nếu sinh viên đã tham gia nhưng chưa hoàn thành một chương trình giáo dục toàn diện được triển khai theo Đạo luật Giáo dục Nghệ thuật và có thể cung cấp giấy chứng nhận theo học, thì các quy định tại Đoạn 1, Tiểu mục 1 và 3, cùng Đoạn 2, Tiểu mục 1 sẽ được áp dụng tương ứng, tùy theo việc sinh viên đã theo học chương trình cao đẳng năm năm hay chương trình cử nhân đại học.

Sinh viên đã tích lũy tín chỉ theo Đoạn 1, Tiểu mục 5, Khoản (2) sau khi Quy định Giáo dục Thường xuyên sửa đổi dành cho Cao đẳng và Đại học có hiệu lực vào ngày 13 tháng 7 năm 2011 và trước ngày 13 tháng 6 năm 2013 thì không bị áp dụng giới hạn độ tuổi 22.

Sinh viên chuyển trường tham gia kỳ thi chuyển tiếp được đề cập trong Đoạn 1 và/hoặc Đoạn 2, nếu trúng tuyển và dự định đăng ký học cả tại trường cũ và trường mới theo quy định của mỗi cơ sở giáo dục về việc học song song, thì có thể chỉ cần nộp bảng điểm của tất cả các năm học.

Điều 5

Người đáp ứng bất kỳ tiêu chí nào sau đây được xem là có năng lực học tập phù hợp và có thể tham gia kỳ thi tuyển sinh đầu vào năm thứ nhất của chương trình thạc sĩ:

1. Sinh viên đại học trong chương trình cử nhân đã hoàn thành tất cả các năm học trừ năm cuối cùng của chương trình theo quy định, nhưng vì một lý do nào đó đã tạm nghỉ hoặc thôi học ít nhất hai năm kể từ ngày đầu tiên của năm cuối cùng trong chương trình, và có thể cung cấp giấy chứng nhận theo học hoặc giấy chứng nhận tạm dừng học, kèm theo bảng điểm của tất cả các năm học;
2. Sinh viên đại học đã hoàn thành chương trình cử nhân theo quy định nhưng vì một lý do nào đó không thể tốt nghiệp ít nhất một năm trước ngày cuối cùng của năm cuối cùng trong chương trình, và có thể cung cấp giấy chứng nhận theo học hoặc giấy chứng nhận tạm dừng học, kèm theo bảng điểm của tất cả các năm học;
3. Sinh viên đại học đã hoàn thành bốn năm của chương trình cử nhân có thời gian từ sáu năm trở lên (bao gồm thực tập) và đã tích lũy ít nhất 128 tín chỉ theo yêu cầu tốt nghiệp;
4. Người đã được cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng ít nhất hai năm trước nếu tốt nghiệp từ chương trình ba năm; hoặc ít nhất ba năm trước nếu tốt nghiệp từ chương trình hai năm hoặc năm năm; người đã được

cấp chứng chỉ trình độ từ một trường cao đẳng giáo dục thường xuyên (bỏ túc); hoặc bằng tốt nghiệp từ một trường cao đẳng giáo dục thường xuyên, và có thể cung cấp giấy chứng nhận chứng minh năng lực học tập tương đương với trình độ cao đẳng sẽ được xử lý tương tự như người đã theo học một trường cao đẳng hai năm. Mỗi trường cao đẳng hoặc đại học cũng có thể đặt ra các quy định bổ sung về kinh nghiệm làm việc liên quan và số năm tối thiểu làm việc, dựa trên nhu cầu thực tế.

5. Người đã vượt qua một trong các kỳ thi quốc gia sau đây và có thể cung cấp giấy chứng nhận xác nhận:
 - (1) Kỳ thi Công chức Cao cấp; hoặc Kỳ thi Công chức Đặc biệt cấp 1, cấp 2 hoặc cấp 3;
 - (2) Kỳ thi Chuyên gia Kỹ thuật Cao cấp; hoặc Kỳ thi Đặc biệt có cấp độ tương đương;
6. Người có thể cung cấp giấy chứng nhận đã vượt qua một trong các kỳ đánh giá kỹ năng chuyên môn sau đây:
 - (1) Người đã nhận được chứng chỉ kỹ thuật viên cấp A, hoặc chứng chỉ kỹ thuật viên đơn cấp tương đương với cấp A, và có ít nhất ba năm kinh nghiệm làm việc thực tế liên quan; hoặc
 - (2) Nếu cấp B là trình độ cao nhất trong lĩnh vực kỹ năng của họ, người đó đã nhận được chứng chỉ kỹ thuật viên cấp B, hoặc chứng chỉ kỹ thuật viên đơn cấp tương đương với cấp B, và có ít nhất năm năm kinh nghiệm làm việc thực tế liên quan.

Điều 6

Người đã được tuyển dụng làm kỹ thuật viên chuyên nghiệp tại một trường đại học hoặc cao đẳng, hoặc là giáo viên giảng dạy môn chuyên ngành hoặc kỹ thuật tại một trường cao đẳng hoặc trung học phổ thông, nếu được hội đồng tuyển sinh của một trường đại học hoặc hội đồng tuyển sinh liên kết xem xét và phê duyệt, sẽ được coi là có năng lực học tập phù hợp và có thể tham gia kỳ thi tuyển sinh dành cho sinh viên mới theo quy định tại Điều 2, Điều 3 hoặc điều trước đó, tùy theo trường hợp cụ thể.

Điều 7

Người có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực chuyên môn của mình, đã được Bộ Giáo dục phê duyệt và được hội đồng tuyển sinh của một trường đại học hoặc hội đồng tuyển sinh liên kết xem xét và phê duyệt, sẽ được coi là có năng lực học tập phù hợp và có thể tham gia kỳ thi tuyển sinh dành cho sinh viên mới theo quy định tại Điều 2, Điều 3 và Điều 5, tùy theo trường hợp cụ thể.

Điều 8

Người đáp ứng bất kỳ tiêu chí nào sau đây được xem là có trình độ tương đương và có thể tham gia kỳ thi tuyển sinh dành cho sinh viên năm nhất chương trình tiến sĩ:

1. Người đã hoàn thành hai năm của chương trình thạc sĩ và tất cả các môn học theo quy định, đạt đủ số tín chỉ yêu cầu (không bao gồm luận văn), nhưng vì một lý do nào đó không thể tốt nghiệp và đã tạm nghỉ hoặc thôi học ít nhất một năm. Người này có thể cung cấp giấy chứng nhận theo học hoặc giấy chứng nhận tạm dừng học, kèm theo bảng điểm của tất cả các năm học, và nộp một công trình nghiên cứu có chất lượng tương đương với luận văn thạc sĩ;
2. Người đã hoàn thành chương trình tiến sĩ nhưng không vượt qua kỳ thi xét duyệt tư cách nghiên cứu sinh tiến sĩ hoặc kỳ thi bảo vệ luận án tiến sĩ, và có thể cung cấp giấy chứng nhận theo học hoặc giấy chứng nhận tạm dừng học, kèm theo bảng điểm của tất cả các năm học, và nộp một công trình nghiên cứu có chất lượng tương đương với luận văn thạc sĩ;
3. Người đã được cấp bằng cử nhân trong một ngành yêu cầu từ sáu năm học trở lên, đã hoàn thành ít nhất hai năm đào tạo chuyên môn, và nộp một công trình nghiên cứu có chất lượng tương đương với luận văn

thạc sĩ;

4. Người đã tốt nghiệp đại học và có bằng cử nhân, có ít nhất năm năm kinh nghiệm thực tiễn liên quan đến lĩnh vực học tập của mình, và nộp một công trình nghiên cứu có chất lượng tương đương với luận văn thạc sĩ;
5. Người đã vượt qua một trong các kỳ thi quốc gia sau đây, có ít nhất sáu năm kinh nghiệm thực tiễn liên quan đến lĩnh vực học tập của mình, và nộp một công trình nghiên cứu có chất lượng tương đương với luận văn thạc sĩ:

(1) Kỳ thi Công chức Cao cấp; hoặc Kỳ thi Công chức Đặc biệt cấp 1, cấp 2 hoặc cấp 3;

(2) Kỳ thi Chuyên gia Kỹ thuật Cao cấp; hoặc Kỳ thi Đặc biệt có cấp độ tương đương.

Công trình nghiên cứu có chất lượng tương đương với luận văn thạc sĩ nêu trong từng khoản trên sẽ do trường đại học liên quan đánh giá độc lập. Thay vì nộp công trình nghiên cứu bằng văn bản, người dự tuyển có thể nộp một tác phẩm sáng tạo như triển lãm, buổi biểu diễn kèm theo báo cáo viết, hoặc một báo cáo kỹ thuật liên quan đến công việc trong lĩnh vực công nghệ ứng dụng.

Việc đánh giá độc lập về chương trình đào tạo chuyên môn được đề cập tại Khoản 1, Điểm 3, cũng như kinh nghiệm thực tiễn liên quan đến lĩnh vực học tập của cá nhân được đề cập tại Khoản 1, Điểm 4 và 5, sẽ do trường đại học liên quan thực hiện.

Điều 9

Các quy định tại Khoản 1, Điều 2 cũng được áp dụng tương tự đối với những người đã hoàn thành chương trình giáo dục trung học tại nước ngoài, Hồng Kông hoặc Ma Cao và đáp ứng các quy định của Quy chế về Đánh giá và Công nhận Văn bằng Học thuật Nước ngoài đối với các Cơ sở Giáo dục Đại học, hoặc Quy chế về Đánh giá và Công nhận Văn bằng Học thuật Khu vực Hồng Kông và Ma Cao.

Học sinh tốt nghiệp tại nước ngoài, Hồng Kông hoặc Ma Cao từ một trường trung học phổ thông có năm tốt nghiệp tương đương với lớp 11 của trường trung học phổ thông tại Đài Loan về cấp độ và tính chất học thuật, được coi là có đủ năng lực học tập và có thể tham gia kỳ thi tuyển sinh đại học. Tuy nhiên, trường đại học phải tăng số tín chỉ bắt buộc để tốt nghiệp hoặc kéo dài thời gian học tập của sinh viên đó.

Các quy định tại Khoản 1, Điều 2 cũng được áp dụng tương tự đối với học sinh theo học tại một trường trung học phổ thông ở nước ngoài, Hồng Kông hoặc Ma Cao có cấp độ và tính chất học thuật tương đương với các trường trung học phổ thông tại Đài Loan nhưng có thời gian học dài hơn. Nếu học sinh chưa hoàn thành toàn bộ chương trình trung học phổ thông tại đó nhưng đã hoàn thành số năm học tương đương với một số năm học nhất định của chương trình trung học phổ thông tại Đài Loan, học sinh đó cũng có thể được xét tuyển.

Các quy định tại Khoản 3 và Khoản 4, Điều 8 cũng được áp dụng tương tự đối với những người có bằng cử nhân tại nước ngoài, Hồng Kông hoặc Ma Cao và đáp ứng các quy định của Quy chế về Đánh giá và Công nhận Văn bằng Học thuật Nước ngoài đối với các Cơ sở Giáo dục Đại học, hoặc Quy chế về Đánh giá và Công nhận Văn bằng Học thuật Khu vực Hồng Kông và Ma Cao.

Các quy định tại Khoản 2, Điều 2; Khoản 1, Điều 3, các điểm 1 đến 4; Khoản 1, Điều 4, các điểm 1 đến 3; Khoản 2 và Khoản 3, điểm 1; Khoản 1, Điều 5, các điểm 1 đến 4; và Khoản 1, Điều 8, các điểm 1 và 2 cũng được áp dụng tương tự đối với sinh viên có hồ sơ học tập tốt nghiệp (hoặc chưa hoàn thành chương trình học) từ một trường cao đẳng hoặc cơ sở giáo dục bậc cao tại nước ngoài, Hồng Kông hoặc Ma Cao. Trường đó phải có tên trong Danh sách các Cơ sở Giáo dục Đại học được Bộ Giáo dục công nhận, hoặc được công nhận bởi tổ chức kiểm định chuyên môn hoặc cơ quan có thẩm quyền tại nước sở tại. Điều kiện tuyển sinh, thời gian học

tập và chương trình giảng dạy của cơ sở giáo dục đó phải tương đương với quy định áp dụng cho các cơ sở giáo dục cùng cấp và cùng tính chất tại Đài Loan. Trình độ học thuật của sinh viên phải được hội đồng tuyển sinh của một trường đại học hoặc hội đồng tuyển sinh liên kết xem xét và xác nhận là tương đương với trình độ của cơ sở giáo dục cùng cấp tại Đài Loan.

Người được cấp bằng cao đẳng và có bằng điểm của tất cả các năm học, hoặc người được cấp bằng nâng cao và có bằng điểm của tất cả các năm học bởi một cơ sở giáo dục tại Hồng Kông hoặc Ma Cao được đề cập ở đoạn trên, được coi là có đủ năng lực học tập và có thể tham gia kỳ thi tuyển sinh đầu vào của chương trình cử nhân hai năm tại trường đại học khoa học và công nghệ hoặc học viện công nghệ.

Bằng cấp, bằng điểm, hồ sơ học tập và các tài liệu liên quan do nước ngoài, Hồng Kông hoặc Ma Cao cấp theo các quy định tại Khoản 5, Khoản trên, Khoản 10 và/hoặc Khoản 12 phải được xác minh và chứng thực bởi Văn phòng đại diện của Trung Hoa Dân Quốc tại nước sở tại, hoặc cơ quan tại Hồng Kông hoặc Ma Cao do Viện Hành chính của Trung Hoa Dân Quốc chỉ định hoặc thành lập.

Từ khi Luật Quản lý Quan hệ giữa Nhân dân Khu vực Đài Loan và Khu vực Đại lục có hiệu lực vào ngày 18 tháng 9 năm 1992, các quy định tại Khoản 2, Điều 2; Khoản 1, Điều 3, các điểm 1 đến 4; Khoản 1, Điều 5, các điểm 1 đến 4; và Khoản 1, Điều 8, các điểm 1 và 2 cũng được áp dụng tương tự đối với người có hộ khẩu tại Đài Loan, công dân Trung Quốc, người nước ngoài hoặc cư dân Hồng Kông/Ma Cao được phép nhập cảnh vào Đài Loan theo diện đoàn tụ gia đình, bảo lãnh thân nhân, cư trú dài hạn hoặc định cư. Những người này phải có hồ sơ học tập tốt nghiệp (hoặc chưa hoàn thành chương trình học) từ một trường cao đẳng hoặc cơ sở giáo dục bậc cao tại Trung Quốc Đại lục đáp ứng các tiêu chí sau:

1. Cơ sở giáo dục đó có tên trong Danh sách các Cơ sở Giáo dục Đại học được Bộ Giáo dục công nhận tại Trung Quốc Đại lục và không có bất kỳ đặc điểm nào bị loại trừ theo Điều 8 của Quy chế về Đánh giá và Công nhận Văn bằng Học thuật từ Khu vực Đại lục.
2. Điều kiện tuyển sinh, thời gian học tập và chương trình giảng dạy của cơ sở giáo dục đó phải tương đương với quy định áp dụng cho các cơ sở giáo dục cùng cấp và cùng tính chất tại Đài Loan, và chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục đó phải được hội đồng tuyển sinh của một trường đại học tại Đài Loan đánh giá và công nhận là tương đương với các chương trình đào tạo cùng cấp tại Đài Loan.

Các quy định tại Khoản 1, Điều 4, các điểm 1 đến 3; Khoản 2; và Khoản 3, điểm 1 cũng được áp dụng tương tự đối với những người tốt nghiệp (hoặc chưa hoàn thành chương trình học) từ một trường cao đẳng hoặc cơ sở giáo dục bậc cao tại Trung Quốc Đại lục và đáp ứng Quy chế về Đánh giá và Công nhận Văn bằng Học thuật từ Khu vực Đại lục.

Người có bằng cử nhân do một cơ sở giáo dục tại nước ngoài, Hồng Kông hoặc Ma Cao cấp, có hồ sơ học tập tốt nghiệp (hoặc chưa hoàn thành chương trình học) từ một cơ sở giáo dục bậc cao tại nước ngoài, Hồng Kông hoặc Ma Cao, nếu cơ sở giáo dục đó có tên trong Danh sách các Cơ sở Giáo dục Đại học được Bộ Giáo dục công nhận, hoặc được công nhận bởi tổ chức kiểm định chuyên môn hoặc cơ quan có thẩm quyền tại nước sở tại, và nếu điều kiện tuyển sinh, thời gian học tập và chương trình giảng dạy của cơ sở giáo dục đó tương đương với các quy định tại Đài Loan, đồng thời trình độ học thuật của sinh viên đã được hội đồng tuyển sinh của một trường đại học hoặc hội đồng tuyển sinh liên kết đánh giá là tương đương với các cơ sở giáo dục cùng cấp tại Đài Loan, thì người đó có thể tham gia kỳ thi tuyển sinh để chuyển tiếp vào chương trình cử nhân sau đại học và nếu trúng tuyển có thể vào năm thứ hai của chương trình.

Các quy định tại Điều 4 của Quy chế về Đánh giá và Công nhận Văn bằng Học thuật từ Khu vực Đại lục cũng

được áp dụng tương tự đối với các bằng cấp và hồ sơ học tập được đề cập ở ba đoạn trên nếu người tốt nghiệp (hoặc chưa hoàn thành chương trình học) từ một trường cao đẳng hoặc cơ sở giáo dục bậc cao tại Trung Quốc Đại lục muốn tham gia kỳ thi tuyển sinh đại học.

Nếu một người có thể cung cấp bằng điểm và hồ sơ học tập từ nước ngoài, Hồng Kông hoặc Ma Cao chứng minh họ đã hoàn thành chương trình giáo dục tương đương trung học phổ thông, đồng thời có thể cung cấp giấy chứng nhận từ cơ quan giáo dục có thẩm quyền của nước sở tại xác nhận họ đủ điều kiện tham gia kỳ thi tuyển sinh đại học tại địa phương, thì người đó có thể tham gia kỳ thi tuyển sinh đại học tại Đài Loan.

Điều 10

Đối với sinh viên đã theo học tại các trường đại học hoặc học viện quân sự, cảnh sát, việc công nhận trình độ giáo dục tương đương sẽ được áp dụng theo các quy định có liên quan của Bộ Giáo dục.

Điều 11

Khi các Tiêu chuẩn này quy định một số năm học cụ thể, thời gian được tính từ ngày bắt đầu theo quy định cho đến ngày nhập học cuối cùng của năm học mà sinh viên tham gia kỳ thi tuyển sinh, ngoại trừ hai trường hợp sau:

1. Để xác định số năm sinh viên đã gián đoạn hoặc tạm ngừng học tập chính quy: thời gian sẽ được tính từ ngày kết thúc học kỳ cuối cùng mà sinh viên đã hoàn thành, được ghi trong bằng điểm của tất cả các năm học, giấy chứng nhận đã theo học hoặc giấy chứng nhận chuyển trường, cho đến ngày nhập học cuối cùng của năm học mà sinh viên tham gia kỳ thi tuyển sinh.
2. Để xác định số năm đào tạo chuyên môn và kinh nghiệm làm việc liên quan: thời gian sẽ được tính từ ngày bắt đầu được ghi trên chứng chỉ đào tạo chuyên môn hoặc trên giấy chứng nhận kinh nghiệm làm việc liên quan, cho đến ngày nhập học cuối cùng của năm học mà sinh viên tham gia kỳ thi tuyển sinh.

Điều 12

Các Tiêu chuẩn này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.